

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án Xây dựng Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An
thành bệnh viện hạng đặc biệt**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/10/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BYT ngày 16/5/2024 của Bộ Y tế về việc quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế;

Căn cứ Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 15/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 2627/TTr-SYT ngày 24/6/2025 và Công văn số 3274/SYT-TCCB ngày 30/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Xây dựng Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An thành bệnh viện hạng đặc biệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Y tế (b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, P).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đình Long

ĐỀ ÁN
**XÂY DỰNG BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN
THÀNH BỆNH VIỆN HẠNG ĐẶC BIỆT**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2529/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

PHẦN THỨ NHẤT
SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT

Hiện nay, cả nước có 06 bệnh viện hạng đặc biệt gồm Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Huế và Bệnh viện Chợ Rẫy. Ngoài các bệnh viện hạng đặc biệt được đặt tại các thành phố lớn là trung tâm của cả nước thì Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và Bệnh viện Trung ương Huế là bệnh viện hạng đặc biệt chuyên sâu khu vực. Các bệnh viện hạng đặc biệt chuyên sâu khu vực ở vùng khó khăn, đông dân cư giúp hoàn thiện mạng lưới y tế Việt Nam, giúp người dân, đặc biệt người dân có hoàn cảnh khó khăn được dễ dàng tiếp cận kỹ thuật y tế tiên tiến, chuyên sâu ngay tại địa phương.

Nghệ An là tỉnh đóng vị trí trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ, có phía tây giáp nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào, có ý nghĩa lớn về hợp tác quốc tế, trong đó hợp tác về y tế là một trong những nội dung quan trọng. Tỉnh Nghệ An có hệ thống y tế rất phát triển, trong đó Bệnh viện HNĐK Nghệ An là bệnh viện hạng I, tuyến cuối về khám, chữa bệnh đa khoa trên địa bàn tỉnh Nghệ An đồng thời tuyến cuối khám, chữa bệnh về chuyên ngành Nội khoa, Ngoại khoa và Sản phụ khoa của khu vực Bắc Trung Bộ. Bệnh viện đã triển khai được 11.128 kỹ thuật từ tuyến tỉnh đến tuyến trung ương, trong đó có nhiều kỹ thuật cao như ghép tạng, can thiệp mạch, mổ tim hở, hỗ trợ sinh sản, phát triển chuyên sâu phẫu thuật robot, phẫu thuật nội soi các chuyên ngành... Với đặc điểm dân số đông, mô hình bệnh tật phong phú và phức tạp, hàng năm số người dân mắc bệnh hiếm, bệnh hiểm nghèo ngoài khả năng bệnh viện tuyến tỉnh phải chuyển đến các bệnh viện trung ương để điều trị rất lớn. Bên cạnh đó mức sống của người dân tỉnh Nghệ An, các tỉnh trong khu vực còn thấp, việc chuyển tuyến điều trị sẽ dẫn đến lãng phí về kinh tế và thời gian, gây quá tải cho tuyến Trung ương, an ninh, trật tự không đảm bảo.

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chương trình hành động của Chính phủ và tỉnh Nghệ An, việc xây dựng Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An (HNĐK Nghệ An) thành bệnh viện hạng đặc biệt là

nhiệm vụ trọng tâm nhằm đưa thành phố Vinh trở thành trung tâm y tế chuyên sâu khu vực Bắc Trung Bộ. Việc phát triển Bệnh viện HNĐK Nghệ An trở thành bệnh viện hạng đặc biệt là nhiệm vụ trọng tâm, phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và yêu cầu thực tế, có ý nghĩa vô cùng quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, mang lại lợi ích cho nhân dân đặc biệt là người dân trong tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ và nước bạn Lào. Để có cơ sở hoàn thiện các tiêu chí theo yêu cầu của bệnh viện hạng đặc biệt, việc xây dựng Đề án **“Xây dựng Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An thành bệnh viện hạng đặc biệt”** là hết sức cần thiết.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025;
- Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 06/2024/TT-BYT ngày 16/5/2024 của Bộ Y tế về việc quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế;
- Quyết định số 1670/QĐ-BYT ngày 25/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công nhận và giao nhiệm vụ là tuyến cuối về chuyên môn kỹ thuật khám, chữa bệnh tuyến cuối khu vực Bắc Trung Bộ cho Bệnh viện HNĐK Nghệ An;
- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/10/2023 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 15/11/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh Nghệ An, thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Những kết quả đạt được giai đoạn 2023 - 2024

1.1. Về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

1.1.1. Vị trí, chức năng, chỉ đạo kỹ thuật

- Bệnh viện HNĐK Nghệ An là bệnh viện hạng I, tuyến cuối về khám, chữa

bệnh của khu vực Bắc Trung Bộ. Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho ngành Y tế xây dựng chiến lược phát triển các chuyên ngành thuộc lĩnh vực khám chữa bệnh trên toàn tỉnh và khu vực; trực tiếp triển khai thực hiện cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ và nước bạn Lào; đào tạo cán bộ y tế; nghiên cứu khoa học; chỉ đạo tuyển về chuyên môn, kỹ thuật; tham gia công tác phòng bệnh; hợp tác quốc tế.

- Thực hiện nhiệm vụ bệnh viện tuyến cuối khu vực Bắc Trung Bộ, bệnh viện đã tích cực trong công tác hỗ trợ đào tạo, chuyển giao và chỉ đạo kỹ thuật các chuyên ngành Nội khoa, Ngoại khoa và Sản Phụ khoa cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh và tuyển huyện thuộc khu vực Bắc Trung Bộ theo Quyết định số 1670/QĐ-BYT.

1.1.2. Công tác đào tạo, chỉ đạo tuyển

Bệnh viện là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu đào tạo thực hành cho 6 trường Đại học Y Dược trong cả nước và đủ điều kiện tiếp nhận đào tạo thực hành trình độ sau đại học. Tổng số học viên đào tạo thực hành tại bệnh viện là 6.354, trong đó 174 học viên trình độ sau đại học và 6.180 sinh viên. Bệnh viện còn chú trọng phát triển công tác đào tạo thực hành lâm sàng, cán bộ tham gia thỉnh giảng để đáp ứng việc triển khai các loại hình đào tạo khác nhau. Bệnh viện đã khảo sát tình hình và hỗ trợ đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho 48 đơn vị y tế khu vực Bắc Trung Bộ. Hỗ trợ cấp cứu, thông báo tuyển dưới những trường hợp cần rút kinh nghiệm về chuyên môn và hỗ trợ đào tạo lại để cập nhật nâng cao trình độ.

1.1.3. Nghiên cứu khoa học

Bệnh viện thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu có chất lượng theo định hướng phát triển chuyên môn với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Giai đoạn 2023 - 2024, bệnh viện đã có 212 đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu (trong đó 208 đề tài cấp cơ sở và 04 đề tài cấp tỉnh); 70 sáng kiến kinh nghiệm được công nhận; 62 bài báo cáo khoa học tại các hội nghị (60 hội nghị trong nước và 02 hội nghị quốc tế), 81 bài báo được công bố trên các tạp chí (77 bài trên tạp chí khoa học trong nước và 04 bài trên tạp chí quốc tế). Bệnh viện đang chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia “Ứng dụng công nghệ AI và BIG DATA trong chẩn đoán, can thiệp và điều trị nhồi máu cơ tim cấp” thuộc Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ tiên tiến trong y tế và phát triển sản phẩm chăm sóc sức khỏe”, mã số: KC.10/21-30. Có chuyên gia tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên môn y tế, tham gia Hội đồng chuyên môn y tế, Hội đồng thẩm định các danh mục kỹ thuật cấp Bộ¹.

¹ Bệnh viện cử cán bộ chuyên gia đầu ngành tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên môn y tế cấp Bộ: Ts Phạm Hồng Phương – Phó Giám đốc bệnh viện tham gia Ban Soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề thay thế Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ; Ts Đinh Văn Chiến – Phó giám đốc Trung tâm Đào tạo bệnh viện tham gia Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Thông tư quy định về Hiến, lấy và điều phối ghép mô, bộ phận cơ thể người. Quyết định số 1103/QĐ-BYT ngày 02/05/2024 của Bộ Y tế về việc thành lập đoàn thẩm định cấp giấy phép hoạt động và phê duyệt danh mục kỹ thuật đối với Bệnh viện Y học cổ truyền Nguyên Phúc (trong đó Bệnh viện HNĐK Nghệ An có 15 thành viên tham gia).

VB

1.1.4. Nội dung và quy mô hoạt động

Bệnh viện HNĐK Nghệ An là bệnh viện hạng I, tuyến cuối khám, chữa bệnh về chuyên ngành Nội khoa, Ngoại khoa và Sản phụ khoa của khu vực Bắc Trung Bộ. Quy mô 2000 giường kế hoạch, công suất sử dụng giường bệnh đạt 123,8%. Hàng năm, tỷ lệ người bệnh điều trị nội trú có mức độ phân cấp chăm sóc cấp I chiếm từ 20% trở lên. Điểm đánh giá quản lý chất lượng năm 2023 đạt 4.17 và tăng lên 4.24 vào năm 2024.

1.1.5. Khả năng chuyên môn, kỹ thuật (Phụ lục 01)

- Bệnh viện đã triển khai thành công 11.128 danh mục kỹ thuật, trong đó có 2.299 thuộc nhóm kỹ thuật chuyên sâu, nay đã thực hiện thường quy 2.092 các kỹ thuật chuyên sâu (Đạt tỷ lệ 91%). Bệnh viện được cấp có thẩm quyền phê duyệt các kỹ thuật chuyên khoa thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III, phân theo từng hệ chuyên khoa cụ thể². Các kỹ thuật chuyên sâu thuộc phân loại đặc biệt, tiêu biểu như:

+ Hệ ngoại: bệnh viện đã triển khai các kỹ thuật ghép tạng như ghép thận, ghép tế bào gốc, ghép tức thì xương hàm từ xương mác... Thành công 02 ca lấy, ghép đa tạng từ người hiến chết não, đồng thời được Bộ Y tế công nhận đủ điều kiện thực hiện ghép gan từ người hiến sống và hiến chết não. Phát triển phẫu thuật robot, phẫu thuật nội soi cho nhiều chuyên ngành phức tạp.

+ Hệ nội và hồi sức: can thiệp mạch ngoại vi mạch chi, mạch tạng, mạch vành, mạch não, mạch cảnh; đặt stent Graft động mạch chủ; cấy máy tạo nhịp phá rung tự động, cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn; điều trị rối loạn nhịp tim bằng năng lượng sóng radio. Các kỹ thuật hồi sức tích cực hàng đầu như: kỹ thuật tim phổi nhân tạo (ECMO); lọc máu hấp phụ với quả lọc đặc biệt; hạ thân nhiệt chủ huy; đo áp lực nội sọ (ICP); thăm dò huyết động không xâm lấn (USCOM); mở thông dạ dày nội soi trên bệnh nhân thở máy...

+ Hệ cận lâm sàng: di truyền sinh học phân tử: xét nghiệm giải trình tự gen, xét nghiệm công thức nhiễm sắc thể; hóa sinh: xét nghiệm định lượng nồng độ thuốc chống thải ghép trong điều trị ghép tạng, định lượng NH₃; chẩn đoán hình ảnh: sinh thiết dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính (CLVT), siêu âm đàn hồi mô, nội soi cắt hót niêm mạc trong chẩn đoán điều trị ung thư...

- Về cơ bản bệnh viện đảm bảo nhân lực, cơ sở vật chất và thiết bị để thực hiện nhiều kỹ thuật tiên tiến, phức tạp³. Tuy nhiên, hiện tại còn: 657 các kỹ thuật chuyên sâu, 1159 các kỹ thuật thuộc loại 1, 2, 3 chưa được phê duyệt. Bệnh viện đang tiến hành đầu tư trang thiết bị và đào tạo nhân lực để đảm bảo phê duyệt đủ tỷ lệ trên 95% danh mục kỹ thuật theo quy định phân loại phẫu thuật thủ thuật của Bộ Y tế.

² Phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt 71,7% (957/1335), loại I đạt 94,0% (2292/2436), loại II đạt 87,9% (1467/1669), loại III đạt 95% (638/671). Hệ Nội đã thực hiện được trên 90% danh mục kỹ thuật, chuyên ngành Ngoại khoa và Sản khoa đã thực hiện được 92,7% tổng số danh mục kỹ thuật.

³ Năm 2024, bệnh viện đã cử 700 lượt cán bộ đi đào tạo trong đó chú trọng đào tạo chuyên sâu để thực hiện các kỹ thuật loại đặc biệt, loại I, II.

1.2. Về tổ chức bộ máy và nhân lực

1.2.1. Tổ chức bộ máy

Bệnh viện có 52 khoa, phòng, trung tâm, 08 khoa trực thuộc các trung tâm của Bệnh viện. Các khoa lâm sàng tổ chức hoạt động theo các chuyên khoa và chuyên khoa sâu, gồm có: 20 khoa chuyên khoa nội, 10 khoa chuyên khoa ngoại, 02 chuyên khoa Sản, 01 chuyên khoa Nhi và 03 khoa thuộc hệ 03 chuyên khoa. Tổ chức bộ máy của bệnh viện phát triển theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, chuyên sâu, đa lĩnh vực, đa chuyên ngành.

1.2.2. Cơ cấu lao động

Bệnh viện xây dựng và thực hiện Đề án vị trí việc làm về số lượng người làm việc tại các vị trí nhóm chức danh nghề nghiệp /tổng số người làm việc của Bệnh viện thực tế: (1) Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành chuyên môn y tế: 1308/1683 chiếm tỷ lệ 76% nhân lực năm 2023; 1445/1875 chiếm tỷ lệ 77% nhân lực năm 2024. Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn liên quan khác: 32/1683 chiếm tỷ lệ 1.9% năm 2023; 29/1875 chiếm tỷ lệ 1.5% năm 2024. (2) Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 144/1683 chiếm tỷ lệ 8.55% năm 2023; 180/1875 chiếm tỷ lệ 9.6% năm 2024. (3) Nhóm chức danh nghề nghiệp hỗ trợ, phục vụ: 207/1683 chiếm tỷ lệ 12.3% năm 2023; 242/1875 chiếm tỷ lệ 12.9% năm 2024.

1.2.3. Trình độ cán bộ

Đối với chức danh Trưởng khoa, Giám đốc Trung tâm khối lâm sàng, cận lâm sàng: Số trưởng các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có trình độ tiến sĩ/chuyên khoa II đạt tỷ lệ đạt 88,1%, đã đáp ứng tiêu chí của bệnh viện hạng I, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được tiêu chí của bệnh viện hạng đặc biệt. Đối với chức danh Phó Trưởng các khoa, Phó Giám đốc Trung tâm khu vực lâm sàng, cận lâm sàng có tỷ lệ tiến sĩ/chuyên khoa II 89.7%, đã đạt tiêu chí của bệnh viện hạng đặc biệt. Đối với chức danh Điều dưỡng trưởng, Kỹ thuật viên trưởng, Nữ hộ sinh trưởng khu vực lâm sàng có trình độ sau đại học đạt tỷ lệ 26%, chưa đáp ứng yêu cầu của bệnh viện hạng 1 và hạng đặc biệt. Trình độ bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng có trình độ sau đại học đạt tỷ lệ 64,1%, chưa đáp ứng được tiêu chí bệnh viện hạng đặc biệt.

1.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị

1.3.1. Cơ sở vật chất (Phụ lục 02)

Bệnh viện xây dựng trên diện tích đất được UBND tỉnh Nghệ An giao quản lý và sử dụng có tổng diện tích là 9,67 ha. Trong đó diện tích xây dựng công trình 30.212m²; diện tích quy hoạch xây dựng 74.078,0m², mật độ xây dựng 40,36% /45%, tầng cao 01- 07 tầng nổi và 01 tầng hầm. Khối nhà điều trị nội trú có 07 tầng nổi và 01 tầng hầm được thiết kế, xây dựng đồng bộ, hiện đại theo tiêu chuẩn bệnh viện; khối nhà Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe tinh kết hợp khu điều trị nội trú 05 tầng nổi; khối nhà Trung tâm Bệnh nhiệt đới lập gồm có 02 khối nhà, cao 02 tầng nổi. Các hạng mục còn lại là công trình phụ trợ, đảm bảo điều kiện và tiện nghi, có nước sạch, điện, môi trường sạch đẹp, hệ thống đường giao thông nội viện đảm bảo thuận tiện, hệ thống xử lý chất thải rắn và lỏng theo quy định.

Hiện tại, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn của Bệnh viện hạng đặc biệt. Tuy nhiên, có một số hạng mục đã xuống cấp, chưa đáp ứng đầy đủ theo tiêu chuẩn như hệ thống phòng cháy chữa cháy, kho lưu trữ, hệ thống xử lý nước thải y tế.

1.3.2. Hạ tầng công nghệ thông tin (Phụ lục 03)

Bệnh viện đã triển khai và tích hợp đồng bộ các hệ thống phần mềm bao gồm: quản lý thông tin bệnh viện (HIS), quản lý thông tin xét nghiệm (LIS), hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS), thanh toán không dùng tiền mặt, đăng ký khám bệnh qua tổng đài và website, hệ thống nhắn tin nhắc lịch hẹn tái khám; Kiosk đăng ký khám bệnh bằng Căn cước; Bệnh viện đang triển khai phần mềm bệnh án điện tử (EMR) từ tháng 9/2024, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện và sớm đưa vào vận hành đồng bộ trên quy mô toàn viện theo lộ trình của Chính phủ. Tuy nhiên, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại bệnh viện đã được đưa vào sử dụng trên 10 năm, không đáp ứng nhu cầu sau thời gian dài sử dụng, cần đầu tư nâng cấp hệ thống đồng bộ đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số.

1.3.2. Thiết bị (Phụ lục 04)

- Danh mục thiết bị y tế đầy đủ, đáp ứng theo danh mục kỹ thuật được phê duyệt của bệnh viện để đáp ứng tốt nhất cho công tác khám chữa bệnh, bệnh viện hiện có gần 1.000 thiết bị y tế chuyên sâu, trong đó có nhiều thiết bị công nghệ cao và hiện đại đáp ứng theo danh mục kỹ thuật được phê duyệt.

- Về tiêu chuẩn định mức: hiện nay tất cả các thiết bị bệnh viện được đầu tư phù hợp với định mức thiết bị y tế. Phòng bệnh được trang bị tiện nghi an toàn theo quy định, phòng phẫu thuật và ICU có hệ thống khí sạch AHU, phòng hồi sức cấp cứu, phòng đẻ có hệ thống báo gọi trực cấp cứu khẩn cấp.

- Bệnh viện HNĐK Nghệ An có phòng Vật tư thiết bị thực hiện nhiệm vụ quản lý sửa chữa, bảo dưỡng bảo trì thiết bị y tế đồng thời quản lý vận hành hệ thống điện, nước, nước thải. Hàng năm, bệnh viện có kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng, bảo trì thiết bị. Có hồ sơ quản lý thiết bị về danh mục, sử dụng, quản lý sửa chữa, thay thế linh kiện, kiểm định và hiệu chuẩn theo từng năm.

Tuy nhiên, hiện nay bệnh viện vẫn còn thiếu một số thiết bị hiện đại như hệ thống phẫu thuật robot, thiết bị phục vụ cho kỹ thuật ghép mô tạng và kỹ thuật mới được triển khai tại Việt Nam.

2. Kết quả đạt được theo các tiêu chí xếp hạng Bệnh viện hạng đặc biệt theo Thông tư số 06/2024/TT-BYT ngày 16/5/2024 của Bộ Y tế về Quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế

2.1. Tiêu chí xếp hạng bệnh viện hạng I (Phụ lục 05)

- Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí chức năng và nhiệm vụ đạt 10/10 điểm;
- Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động đạt 15/15 điểm;

- c) Nhóm tiêu chuẩn III: Cơ cấu lao động và trình độ cán bộ đạt 18/20 điểm;
- d) Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn đạt 34/40 điểm;
- e) Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, thiết bị đạt 14/15 điểm.

Tổng điểm đạt: 91/100 điểm, đạt tỷ lệ 91%. Cụ thể, các tiêu chí chưa đạt:

- + Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực chưa đạt từ 60% Điều dưỡng trưởng, Kỹ thuật viên, Nữ hộ sinh trưởng các khoa lâm sàng trở lên có trình độ sau đại học;
- + Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật đặc biệt, loại I, II chưa đạt 95% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định;
- + Nhóm tiêu chuẩn V: Một số hạng mục cơ sở vật chất chưa đáp ứng được đầy đủ theo tiêu chuẩn quy định. Mới triển khai công tác bảo dưỡng đối với một số hệ thống thiết bị lớn, vẫn còn một số thiết bị chưa được bảo dưỡng thường xuyên đặc biệt là bảo dưỡng cấp 3.

2.2. Tiêu chí xếp hạng bệnh viện hạng đặc biệt (Phụ lục 06)

Bệnh viện HNĐK Nghệ An cơ bản đạt các tiêu chí xếp hạng bệnh viện hạng đặc biệt, chỉ còn một tiêu chí sau chưa đạt:

- Trình độ cán bộ chuyên môn và quản lý: Chưa đạt tỷ lệ 100% Trưởng các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có trình độ tiến sĩ hoặc chuyên khoa II; Chưa đạt tỷ lệ 70% Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng có trình độ sau đại học.
- Một số chuyên ngành thuộc hệ ngoại, ghép mô, tạng của bệnh viện chưa phát triển xứng tầm bệnh viện hạng đặc biệt.
- Một số hạng mục cơ sở vật chất, thiết bị để thực hiện các kỹ thuật hiện đại, chuyên sâu còn thiếu và có dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3.1. Tồn tại, hạn chế

- Trình độ chuyên môn của một số cán bộ quản lý chưa đáp ứng tiêu chí bệnh viện hạng đặc biệt. Một số kỹ thuật cao thuộc danh mục phẫu thuật, kỹ thuật loại đặc biệt, loại I chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa được thường quy.
- Chưa có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, chưa chuyển giao được hết các kỹ thuật cơ bản cho các đơn vị y tế tuyến dưới, hợp tác quốc tế chưa phát huy được hiệu quả tương xứng với tầm vóc bệnh viện. Một số hạng mục cơ sở vật chất có dấu hiệu xuống cấp, thiết bị y tế không đồng bộ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu khám, chữa bệnh...
- Ứng dụng Công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn hạn chế, bệnh án điện tử triển khai chậm hơn so với nhiều đơn vị trong tỉnh, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin không đáp ứng nhu cầu sử dụng.

VB

3.2. Nguyên nhân

3.2.1. Nguyên nhân khách quan

- Thông tư số 06/2024/TT-BYT ngày 16/5/2024 của Bộ Y tế về việc quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế mới được ban hành nên việc đảm bảo trình độ theo quy định cần có lộ trình thực hiện dài hạn.

- Một số kỹ thuật Việt Nam chưa triển khai hoặc không còn triển khai vẫn nằm trong danh sách của Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế gây khó khăn cho việc phê duyệt kỹ thuật. Mô hình bệnh tật thay đổi, bao gồm bệnh tật kép trên cùng người bệnh dẫn đến khó khăn trong công tác điều trị.

3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Chưa kịp thời trong đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên sâu đảm bảo về yêu cầu trình độ và thực hiện kỹ thuật loại đặc biệt, loại I theo quy định.

- Công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cấp quốc gia chưa được chú trọng nhiều, thiếu thông tin, trình độ ngoại ngữ để đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

- Công tác xã hội hoá trong lĩnh vực y tế gặp hạn chế về nhiều mặt, từ đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị... Còn một bộ phận cán bộ lo sợ trách nhiệm, e ngại rủi ro có thể xảy ra trong quá trình tổ chức quy trình đầu thầu.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chuyên môn kỹ thuật, tập trung đào tạo, bổ sung nhân lực, xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất, nâng cấp, đầu tư thiết bị để xây dựng Bệnh viện HNĐK Nghệ An thành bệnh viện hạng đặc biệt theo các tiêu chí quy định tại Thông tư số 06/2024/TT-BYT ngày 16/5/2024 của Bộ Y tế.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2025-2027

- Tiếp tục duy trì ổn định các tiêu chí đã đạt bệnh viện hạng đặc biệt theo quy định của Thông tư số 06/2024/TT-BYT.

- Hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt bệnh viện hạng đặc biệt theo quy định của Thông tư số 06/2024/TT-BYT. Cụ thể:

+ Về nhân lực: tại các khoa lâm sàng đạt tỷ lệ 60% trở lên Điều dưỡng trưởng, Kỹ thuật viên trưởng, Nữ hộ sinh trưởng có trình độ sau đại học; 70% trở lên bác sĩ điều trị có trình độ sau đại học. 100% Trưởng các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có trình độ tiến sĩ hoặc chuyên khoa II.

+ Về khả năng chuyên môn kỹ thuật: đạt tỷ lệ 95% trở lên các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật, thủ thuật loại đặc biệt, loại I, loại II.

+ Về quy mô và tổ chức khoa, phòng: tổ chức khoa, phòng trong bệnh viện theo chuyên khoa và chuyên khoa sâu.

+ Về cơ sở vật chất, thiết bị: đảm bảo thực hiện các kỹ thuật hiện đại, phức tạp, chuyên sâu.

- Trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ đề nghị xếp hạng đặc biệt cho Bệnh viện HNĐK Nghệ An khi đã đạt tất cả các tiêu chí.

2.2. Giai đoạn 2028 và các năm tiếp theo

Củng cố, duy trì và phát triển các tiêu chí của bệnh viện hạng đặc biệt.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền trong xây dựng Bệnh viện HNĐK Nghệ An thành bệnh viện hạng đặc biệt để đạt mục tiêu phát triển chuyên sâu

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết 162/NQ-CP ngày 04/10/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW; Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 15/11/2023 thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 16/7/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về xây dựng phát triển thành phố Vinh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 của Bộ Y tế về việc “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh; Quyết định số 5959/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế về xây dựng cơ sở y tế xanh sạch đẹp; Quyết định số 3652/QĐ-BYT ngày 03/12/2024 ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng Bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế; Chỉ thị số 06/CT-BYT ngày 24/8/2024 của Bộ Y tế về tăng cường công tác quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh... gắn với nội dung xây dựng Bệnh viện HNĐK Nghệ An trở thành bệnh viện hạng đặc biệt.

- Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các tiêu chí xếp hạng đặc biệt theo Thông tư số 06/2024/TT-BYT của Bộ Y tế để sớm trình hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền công nhận Bệnh viện HNĐK Nghệ An là bệnh viện hạng đặc biệt.

2. Phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện tổ chức bộ máy đáp ứng tiêu chí bệnh viện hạng đặc biệt

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm, đảm bảo số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế và liên quan chiếm tỷ lệ tối thiểu 65%.

- Xây dựng cơ chế tuyển dụng, thu hút nhân lực phù hợp để đạt tiêu chí bệnh viện hạng đặc biệt. Ưu tiên tuyển dụng, thu hút bác sĩ đã có trình độ hoặc đang tham gia đào tạo tiến sĩ, chuyên khoa II, bác sĩ nội trú, chuyên khoa I, thạc sĩ, đặc biệt ở các chuyên ngành như ghép mô - tạng, phẫu thuật robot... Tiếp tục thực hiện chế độ thu hút và đãi ngộ đối theo quy định đối với nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong đó giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa II được hỗ trợ thêm số tiền bằng với số tiền theo chính sách của tỉnh và được trích từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

- Cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II đối với đội ngũ Trưởng khoa, Giám đốc trung tâm; đào tạo trình độ thạc sĩ, chuyên khoa I cho đội ngũ điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên trưởng; đào tạo sau đại học đối cho đội ngũ bác sĩ khối lâm sàng; đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ viên chức đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, giúp tăng cường kết nối, giao tiếp hiệu quả và tiếp cận công nghệ mới. Hỗ trợ, tạo điều kiện để đảm bảo tỷ lệ 100% viên chức tham gia đào tạo sau đại học hoàn thành khoá học đúng thời hạn⁴. Cử cán bộ đi đào tạo xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ, phát triển chuyên môn, gắn với quy định cụ thể tạo cơ chế ràng buộc sau đào tạo. Đồng thời tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, chế độ chính sách tăng thêm phù hợp để động viên và giữ chân cán bộ làm việc lâu dài tại bệnh viện.

- Phối hợp với các trường đại học Y dược trên cả nước, Bệnh viện tuyển Trung ương đào tạo chuyên khoa, chuyên sâu mũi nhọn theo ê kíp phát triển nhân lực đồng bộ, toàn diện các chuyên ngành của bệnh viện. Để đảm bảo thực hiện được 95% trở lên phẫu thuật, thủ thuật loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, quản lý, sử dụng thiết bị.

- Hàng năm đánh giá, rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo bệnh viện, cán bộ quản lý các khoa, phòng, trung tâm để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Căn cứ quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026-2031 và thực tế nhân lực tại các khoa, phòng, trung tâm để đào tạo, bồi dưỡng, điều chuyển bổ nhiệm cán bộ để đáp ứng các điều kiện, đảm bảo 100% Trưởng các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có trình độ tiến sĩ hoặc chuyên khoa II⁵.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy theo Đề án tự chủ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng quy mô, tiêu chí phát triển chuyên sâu của bệnh viện hạng đặc

⁴ Trong năm 2025 dự kiến tuyển dụng tối thiểu 15 bác sĩ khu vực lâm sàng, trong đó ít nhất 08 bác sĩ có trình độ sau đại học, 07 bác sĩ có trình độ đại học.

Trong năm 2025 dự kiến hoàn thành đào tạo sau đại học: bác sĩ khu vực lâm sàng 51 người (Phấn đấu tháng 12/2025: 330/46, đạt tỷ lệ 71,5%); điều dưỡng trưởng, kỹ thuật viên trưởng, nữ hộ sinh trưởng 26 người (Phấn đấu đến thời điểm tháng 12/2025: 32/35 đạt tỷ lệ 91,4%). Tiếp tục cử ít nhất 500 lượt cán bộ đi đào tạo trong đó chú trọng đào tạo chuyên sâu để thực hiện các kỹ thuật loại đặc biệt, loại I, II (Phấn đấu tháng 12/2025 sẽ thực hiện được đạt ít nhất 95% các phẫu thuật thủ thuật đặc, loại I, loại II).

⁵ Dự kiến tháng 11/2025, sẽ điều chuyển, bổ nhiệm 03 cán bộ quản lý tại các khoa chưa đảm bảo yêu cầu về trình độ Tiến sĩ, chuyên khoa II đối với Trưởng khoa lâm sàng.

biệt. Thực hiện sáp nhập, thành lập một số khoa, phòng, trung tâm để tăng hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hướng chuyên sâu mũi nhọn⁶.

3. Phát triển chuyên môn kỹ thuật đáp ứng tiêu chí bệnh viện hạng đặc biệt

- Xây dựng kế hoạch thực hiện để đạt điểm chất lượng bệnh viện từ 4.0 trở lên theo Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam và Quyết định số 3652/QĐ-BYT ngày 03/12/2024 ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế.

- Phát triển chuyên môn đồng bộ, toàn diện, đẩy mạnh một số chuyên ngành mũi nhọn, xứng tầm khu vực và quốc tế. Nâng cao chất lượng điều trị, giảm số ngày điều trị trung bình, hoàn thiện triển khai các danh mục kỹ thuật hạng đặc biệt, giảm tỷ lệ chuyển lên tuyến trên đạt công suất sử dụng giường bệnh hàng năm trên 95%⁷.

- Áp dụng linh hoạt các mô hình điều dưỡng chính, lấy người bệnh làm trung tâm, hướng đến chăm sóc toàn diện, an toàn và chất lượng. Nâng cao kỹ năng điều dưỡng chuyên nghiệp trong thực hành, thân thiện trong giao tiếp và chuyên sâu trong quản trị.

- Phát triển kỹ thuật chuyên môn loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III của tất cả các chuyên ngành, đảm bảo thực hiện được 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó; tập trung ưu tiên cho các kỹ thuật chuyên sâu, mũi nhọn. Cụ thể:

+ Hệ nội: nội soi khí phế quản tại giường cho bệnh nhân nặng, thở máy; triển khai kỹ thuật PiCCO; hệ thống hấp phụ tái tuần hoàn (gan nhân tạo MARS), lọc huyết tương hấp phụ kép (DPMAS gồm quả BS 330- hấp phụ Bilirubin, muối mật và quả HA330- hấp phụ phân tử trọng lượng trung bình, lớn); lọc máu loại thải CO₂. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán và điều trị các bệnh lý cần can thiệp như can thiệp điện quang, can thiệp tim mạch, can thiệp đột quỵ...

+ Hệ ngoại: hoàn thiện Đề án ghép thận, thực hiện kỹ thuật ghép thận mang tính thường quy và tiến tới triển khai các kỹ thuật ghép gan, ghép tim, ghép phổi... Phát triển phẫu thuật robot trong chuyên ngành ngoại khoa. Thực hiện các phẫu thuật xâm lấn tối thiểu, các kỹ thuật ngoại khoa tiên tiến ứng dụng công nghệ hiện đại như laser, sóng cao tần.

⁶ Sáp nhập các khoa Giải phẫu bệnh, Di truyền sinh học phân tử về Trung tâm Xét nghiệm, giảm số lượng khoa thuộc Bệnh viện, đảm bảo hoạt động hiệu quả, góp phần đáp ứng tiêu chí về trình độ theo yêu cầu của bệnh viện hạng đặc biệt..

Phấn đấu tháng 12/2025, sẽ đảm bảo 100% Trưởng các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có trình độ tiến sĩ hoặc chuyên khoa II.

⁷ Dự kiến lộ trình: Quý III/2026: Ghép tạng, mổ tim hở, phẫu thuật Robot; Tháng 8/2025: sẽ phê duyệt 345 kỹ thuật loại chuyên sâu (chiếm tỉ lệ 60%), 580 kỹ thuật loại 1, 2, 3 (chiếm tỉ lệ 50%); Tháng 02/2026: 156 kỹ thuật loại chuyên sâu (chiếm tỉ lệ 23,75%, đạt tỉ lệ 83,75% tổng các kỹ thuật chuyên sâu), 463 kỹ thuật loại 1, 2, 3 (chiếm tỉ lệ 40%, đạt tỉ lệ 90% tổng các kỹ thuật loại 1, 2, 3); Tháng 8/2026, sẽ đạt 96.7% các danh mục kỹ thuật.

+ Hệ cận lâm sàng: phát triển các kỹ thuật chẩn đoán ít xâm lấn như siêu âm nội mạch, siêu âm qua thực quản, nội soi chẩn đoán ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Triển khai các hệ thống xét nghiệm hiện đại, tự động đa thông số...

4. Đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị

4.1. Cơ sở hạ tầng

- Đầu tư, cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình đã xây dựng đang sử dụng có hiện tượng xuống cấp (ưu tiên hạng mục phòng cháy chữa cháy, hệ thống xử lý nước thải...); triển khai xây dựng mới các dự án công trình trong quy hoạch đã được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND thành phố Vinh với diện tích 42.635 m² sàn xây dựng, nâng tổng diện lên khoảng 116.713m², hoàn thành các dự án cải tạo và xây dựng mới để bố trí sắp xếp lại các khoa, phòng, trung tâm nhằm đáp ứng tiêu chuẩn của bệnh viện hạng đặc biệt.

- Tích cực thực hiện phủ xanh không gian bệnh viện, đảm bảo mật độ cây xanh, diện tích công viên, vườn hoa, bãi cỏ phù hợp với quy hoạch tổng thể của bệnh viện.

- Bố trí, sắp xếp không gian bệnh viện phù hợp quy mô và lưu lượng bệnh nhân. Trang bị đầy đủ ghế ngồi, nước uống, nhà vệ sinh công cộng, khu vực sảnh chờ, sinh hoạt chung cho bệnh nhân đang điều trị và người nhà chăm sóc.

4.2. Thiết bị

- Tăng cường công tác quản lý (ứng dụng phần mềm) trong vận hành, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng, chất lượng trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai đầu tư, mua sắm, bổ sung thiết bị y tế hiện đại, đồng bộ, đảm bảo hoạt động hiệu quả, tránh đầu tư lãng phí. Đảm bảo thực hiện các kỹ thuật cao, chuyên sâu theo tiêu chí của bệnh viện hạng đặc biệt, đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người dân tỉnh Nghệ An và các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ cũng như nước bạn Lào. Ưu tiên mua sắm các trang thiết bị tương ứng và đồng thời với việc triển khai các kỹ thuật mũi nhọn, chuyên sâu đã xác định ở trên. Cụ thể: các hệ thống robot phẫu thuật (robot phẫu thuật tổng quát, robot phẫu thuật thần kinh, robot phẫu thuật chấn thương, robot can thiệp mạch), trang thiết bị phục vụ phẫu thuật ghép tạng và kỹ thuật chuyên sâu (dao siêu âm cắt hút gan và mô mềm, máy xét nghiệm đàn hồi đồ cục máu, thiết bị xét nghiệm hoà hợp trước ghép, hệ thống Navigation, kính hiển vi phẫu thuật, hệ thống phẫu thuật nội soi 4K), các thiết bị cận lâm sàng hiện đại (hệ thống chụp CLVT 512 lát cắt, hệ thống can thiệp mạch, hệ thống O-arm, hệ thống dao Gamma knife, hệ thống nội soi và siêu âm ứng dụng trí tuệ nhân tạo), trang thiết bị hồi sức tim mạch (hệ thống triệt đốt rối loạn nhịp bằng nhiệt lạnh, máy phá mảng vôi động mạch ngoại biên bằng sóng xung kích qua đường ống thông, hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim, máy khoan các tổn thương vôi hóa ở động mạch, hệ thống monitor trung tâm, máy theo dõi áp lực nội sọ và phân áp oxy não...).

UB

- Tăng cường công tác quản lý (ứng dụng phần mềm) trong vận hành, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng, chất lượng trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu chuyên môn.

4.3. Công nghệ thông tin

- Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, có tính kế thừa, đáp ứng nhu cầu hiện tại, khả năng mở rộng trong tương lai để chuyển đổi số thành công. Cụ thể: bổ sung hệ thống máy chủ vật lý, phần mềm ảo hóa máy chủ cấu hình thành hệ thống máy chủ để đảm bảo triển khai các ứng dụng và chuyển đổi số; đảm bảo vận hành an toàn cho hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện và hệ thống các phần mềm phụ trợ; bổ sung hệ thống lưu trữ SAN online phục vụ việc lưu trữ cho toàn bộ dữ liệu bệnh viện và hệ thống NAS đóng vai trò backup dữ liệu dự phòng khi hệ thống gặp sự cố.

- Đầu tư và triển khai đồng bộ các hệ thống phần mềm hệ thống: hồ sơ bệnh án điện tử - EMR, thông tin bệnh viện - HIS, thông tin xét nghiệm - LIS, lưu trữ và truyền tải hình ảnh - RIS-PACS...; liên thông dữ liệu số sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VneID. Triển khai y tế từ xa, đơn thuốc điện tử, kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin sử dụng trong cơ sở khám, chữa bệnh và kết nối với các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, chuyên môn như các hệ thống thông tin của Bộ Y tế, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và hệ thống Thông tin Quốc gia.

5. Quản trị bệnh viện

- Nâng cao nhận thức, kỹ năng quản trị bệnh viện cho toàn bộ nhân viên bệnh viện đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, quản lý.

- Quản lý chất lượng khám chữa bệnh theo tiêu chuẩn quốc tế (như JCI, ISO) để bảo đảm an toàn, hiệu quả, xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, nâng cao ý thức, ứng xử, giao tiếp tăng sự hài lòng của người bệnh. Áp dụng chuyển đổi số, xây dựng bệnh viện thông minh, hiện đại hóa quy trình khám chữa bệnh, quy trình đầu thầu, mua sắm, quy trình làm việc khác của bệnh viện trên cơ sở quy định hiện hành giúp giảm tải, tiết kiệm thời gian cho bệnh nhân và nâng cao hiệu quả hoạt động của bệnh viện.

- Quản trị tài chính minh bạch, hiệu quả, đảm bảo cân đối nguồn lực để tái đầu tư phát triển và duy trì hoạt động bền vững là yếu tố sống còn. Song song với đó, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ giúp bệnh viện nâng cao năng lực ứng phó với các tình huống khẩn cấp, dịch bệnh và sự cố y khoa.

- Tăng cường quản trị mối quan hệ đối ngoại, thiết lập các liên kết với bệnh viện quốc tế, viện nghiên cứu, mở rộng hợp tác chuyên môn, trao đổi công nghệ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và vị thế bệnh viện.

6. Đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật, hợp tác quốc tế

6.1. Nghiên cứu khoa học

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, trong đó ưu tiên nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao, công nghệ giải trình tự gen, công nghệ tế bào gốc, công nghệ thông tin... trong khám và điều trị tại bệnh viện.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia theo Quyết định số 1099/QĐ-BKHCN ngày 28/05/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ tiên tiến trong y tế và phát triển sản phẩm chăm sóc sức khỏe”, mã số: KC.10/21-30 với tên đề tài “Ứng dụng công nghệ AI và BIG DATA trong chẩn đoán, can thiệp và điều trị nhồi máu cơ tim cấp” do Bệnh viện HNĐK Nghệ An chủ trì.

- Tích cực tham gia và tăng số lượng báo cáo, bài báo, kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế; tham gia các công trình nghiên cứu khoa học tầm cỡ quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo y dược và là trung tâm tổ chức hội nghị khoa học khu vực Bắc Trung Bộ.

6.2. Đào tạo, chỉ đạo tuyển

- Tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò chỉ đạo, chuyển giao các kỹ thuật từ cơ bản đến chuyên sâu cho các đơn vị tuyển dưới, hội chẩn chuyên môn kỹ thuật, xây dựng tổ chức các chương trình đào tạo liên tục đáp ứng nhu cầu cập nhật kiến thức cho nhân lực tại chỗ, các cơ sở y tế trong khu vực Bắc Trung Bộ và trên toàn quốc.

- Phối hợp với các trường Đại học Y dược trên toàn quốc đào tạo thực hành lâm sàng trình độ sau đại học và đại học; hợp tác chuyển giao kỹ thuật với các bệnh viện trung ương để đào tạo chuyên sâu, chuyển giao kỹ thuật, chú trọng kỹ thuật ghép gan, tim.

- Đầu tư, nâng cấp Trung tâm đào tạo - chỉ đạo tuyển để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo tại chỗ, đào tạo từ xa, chỉ đạo tuyển cho khu vực, toàn quốc và quốc tế. phấn đấu đến năm 2030 trở thành Trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành y tế khu vực Bắc Trung Bộ.

6.3. Chuyển giao kỹ thuật, hợp tác quốc tế

- Tiếp tục hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật cho 40 đơn vị y tế tuyển tỉnh và 82 cơ sở y tế tuyển huyện thuộc khu vực Bắc Trung Bộ.

- Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y, dược và thiết bị y tế. Tăng cường hợp tác về đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, hợp tác kỹ thuật với trường đại học, bệnh viện của các nước có nền y tế tiên tiến, trong đó đặc biệt quan tâm hợp tác chuyên sâu đảm bảo cho hoạt động và phát triển của bệnh viện hạng đặc biệt. Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ chỉ đạo tuyển và hợp tác quốc tế về y tế với các cơ sở y tế của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

PHẦN THỨ BA TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Lộ trình thực hiện

1. Giai đoạn 2025 – 2027

- Hoàn chỉnh các tiêu chí còn thiếu đồng thời nâng cấp, bổ sung các tiêu chí đã đạt theo yêu cầu của bệnh viện hạng đặc biệt.



- Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xếp hạng trình cấp có thẩm quyền công nhận Bệnh viện HNĐK Nghệ An là bệnh viện hạng đặc biệt.

2. Giai đoạn 2028 và các năm tiếp theo

Củng cố, duy trì và phát triển các tiêu chí của bệnh viện hạng đặc biệt.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện: 383.675.000.000 đồng

(Bảng chữ: Ba trăm tám mươi ba tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn)

- Chuyển giao kỹ thuật (ghép gan, ghép thận,..) : 12.000.000.000 đồng
- Thiết bị y tế : 269.300.000.000 đồng
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng : 90.375.000.000 đồng
- Đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế : 12.000.000.000 đồng

Trong đó: Bệnh viện tự cân đối từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn huy động hợp pháp khác, số tiền: 265.000.000.000 đồng.

2. Phân kỳ đầu tư giai đoạn 2025 - 2027

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
1	Năm 2025	1.000	
-	Chuyển giao kỹ thuật (ghép gan, ghép thận, ...)	1.000	Bệnh viện tự cân đối từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.
2	Năm 2026	229.000	
-	Chuyển giao kỹ thuật (ghép gan, ghép thận, ...)	5.000	Trong đó Bệnh viện tự cân đối từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn huy động hợp pháp khác, số tiền: 167.000 triệu đồng
-	Đầu tư mua sắm trang thiết bị	178.000	
-	Đầu tư cơ sở hạ tầng	39.000	
-	Đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế	7.000	
3	Năm 2027	153.675	
-	Chuyển giao kỹ thuật (ghép gan, ghép thận, ...)	6.000	Trong đó Bệnh viện tự cân đối từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn huy động hợp pháp khác, số tiền: 97.000 triệu đồng
-	Đầu tư mua sắm trang thiết bị	91.300	
-	Đầu tư cơ sở hạ tầng	51.375	

12

TT	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
-	Đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế	5.000	
	Tổng cộng (1 + 2 + 3)	383.675	

3. Nguồn kinh phí thực hiện đề án

- Ngân sách nhà nước cấp theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo nhiệm vụ được giao.
- Nguồn kinh phí của đơn vị (quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp).
- Nguồn huy động hợp pháp khác.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Sở Y tế

- Chỉ đạo Bệnh viện HNĐK Nghệ An:
 - + Tổ chức xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện đề án, báo cáo Sở Y tế tiến độ triển khai thực hiện theo từng giai đoạn; khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.
 - + Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xếp hạng đặc biệt báo cáo Sở Y tế, UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền thẩm định xếp hạng khi đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.
 - Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các nội dung đề án hiệu quả, chất lượng, đúng quy định, báo cáo UBND tỉnh tiến độ thực hiện theo từng giai đoạn; trường hợp vượt thẩm quyền kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo.
 - Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xếp hạng đặc biệt của Bệnh viện HNĐK Nghệ An, trình cấp có thẩm quyền thẩm định theo quy định hiện hành.
 - Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tạo điều kiện để Bệnh viện HNĐK Nghệ An triển khai, thực hiện đề án đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung và quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ

- Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện các nội dung có liên quan của Đề án này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Phối hợp với Sở Y tế xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xếp hạng đặc biệt của Bệnh viện HNĐK Nghệ An.

3. Sở Tài chính

- Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm bảo đảm từ Ngân sách Nhà nước theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công trong khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí các nguồn vốn đầu tư phát triển, các chương trình dự án (nếu có) để triển khai thực hiện Đề án.

- Theo dõi, giám sát tiến độ giải ngân kinh phí thực hiện Đề án; chủ động phát hiện, tổng hợp và tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình phân bổ và sử dụng vốn.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với UBND tỉnh về tình hình giải ngân, hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời kịp thời báo cáo khi phát hiện dấu hiệu sai lệch, thất thoát hoặc sử dụng vốn không đúng mục đích.

- Phối hợp với các cơ quan thanh tra, kiểm tra trong công tác giám sát việc sử dụng vốn theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Y tế hỗ trợ Bệnh viện HNĐK Nghệ An trong việc ưu tiên lựa chọn và phê duyệt triển khai nghiên cứu các đề tài cấp tỉnh để Bệnh viện đạt được tiêu chí về NCKH cấp tỉnh/bộ.

5. Sở Xây dựng

Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc tham mưu thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết Bệnh viện HNĐK Nghệ An và thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng theo quy định.

6. Các cơ quan, đơn vị liên quan

Theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án./.

th

PHỤ LỤC 01. TỔNG HỢP DANH MỤC KỸ THUẬT

I. DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

TT	Chuyên ngành	Không phân loại	Phẫu thuật loại ĐB	Phẫu thuật loại 1	Phẫu thuật loại 2	Phẫu thuật loại 3	Thủ thuật loại ĐB	Thủ thuật loại 1	Thủ thuật loại 2	Thủ thuật loại 3	Tổng DMKT đã thực hiện	DMKT theo TT23	Tỷ lệ
1	Hồi sức tích cực chống độc	33	2	1	1		33	86	58	45	259	402	64,4%
2	Nội khoa	72		2	2		46	90	81	83	376	719	52,3%
3	Nhi khoa	27	6	49	28	8	11	69	60	59	317	691	45,9%
4	Lao (ngoại lao)		7	7	26			1			41	59	69,5%
5	Da liễu				3		4	4	34	11	56	133	42,1%
6	Nội tiết	92	25	77	21	7		5	7	6	240	282	85,1%
7	Y học cổ truyền	86						91	231	38	446	489	91,2%
8	Gây mê hồi sức	4448					34	54	31	19	4586	4.777	96,0%
9	Ngoại khoa	3	278	470	160	14	7	22	30	1	985	1486	66,3%
10	Bỏng	2	4	55	15	1	2	16	24	25	144	181	79,6%
11	Ung bướu	59	21	148	51	4	22	10	2	2	319	370	86,2%
12	Phụ sản	54	13	69	31	5	5	35	16	5	233	278	83,8%
13	Mắt	24	16	73	54	17	9	24	33	10	260	309	84,1%
14	Tai - mũi - họng	2	10	91	59	23	9	20	23	12	249	403	61,8%

TT	Chuyên ngành	Không phân loại	Phẫu thuật loại ĐB	Phẫu thuật loại 1	Phẫu thuật loại 2	Phẫu thuật loại 3	Thủ thuật loại ĐB	Thủ thuật loại 1	Thủ thuật loại 2	Thủ thuật loại 3	Tổng DMKT đã thực hiện	DMKT theo TT23	Tỷ lệ
15	Răng - hàm - mặt	1	24	81	37	35	37	87	31	11	344	415	82,9%
16	Phục hồi chức năng	70							4	67	141	192	73,4%
17	Điện quang	131		18			83	75	93	27	427	744	57,4%
18	Nội soi chẩn đoán, can thiệp	2			1		6	25	7	2	43	131	32,8%
19	Thăm dò chức năng	35					1		6	39	81	147	55,1%
20	Huyết học - truyền máu	225					1	14	8	2	250	771	32,4%
21	Hóa sinh	212									212	375	56,5%
22	Vi sinh - Ký sinh trùng	158									158	413	38,3%
23	Giải phẫu bệnh	26						4	3	9	42	206	20,4%
24	Vi phẫu		25	7							32	60	53,3%
25	Phẫu thuật nội soi	2	147	250	31	1					431	652	66,1%
26	Phẫu thuật Tạo hình - thẩm mỹ	10	68	160	157	48	1	2	8	2	456	526	86,7%
	Tổng	5774	646	1558	677	163	311	734	790	475	11128	15.211	73,2%

II. TỔNG HỢP DANH MỤC KỸ THUẬT DỰ KIẾN PHÊ DUYỆT GIAI ĐOẠN 2025-2027

TT	CHUYÊN NGÀNH	Không phân loại	Phẫu thuật loại ĐB	Phẫu thuật loại 1	Phẫu thuật loại 2	Phẫu thuật loại 3	Thủ thuật loại ĐB	Thủ thuật loại 1	Thủ thuật loại 2	Thủ thuật loại 3	Tổng DMKT dự kiến phê duyệt	DMKT theo TT23	Tỷ lệ
1	Hồi sức tích cực chống độc	53	0	4	0	0	36	16	12	3	123	402	30,6%
2	Nội khoa	161	0	1	0	0	65	41	34	5	307	719	42,7%
3	Nhi khoa	21	20	80	10	2	82	116	38	5	374	691	54,1%
4	Lao (ngoại lao)	1	7	5	2	0	0	0	0	0	15	59	25,5%
5	Da liễu	12	1	9	1	1	6	6	30	4	70	133	52,7%
6	Nội tiết	31	0	0	0	0	0	0	0	0	29	282	10,3%
7	Y học cổ truyền	2	0	0	0	0	0	3	9	4	19	489	3,8%
8	Gây mê hồi sức	0	0	0	0	0	5	0	2	2	9	4.777	0,2%
9	Ngoại khoa	353	93	0	0	0	0	0	0	0	445	1486	30,0%
10	Bỏng	2	6	2	0	0	8	2	7	2	28	181	15,7%
11	Ung bướu	19	4	6	0	0	0	1	0	0	30	370	8,0%
12	Phụ sản	36	0	0	0	0	0	0	0	0	36	278	12,9%
13	Mắt	20	7	1	2	0	1	1	3	0	34	309	11,0%
14	Tai - mũi - họng	11	29	50	27	3	9	6	0	0	135	403	33,4%

TT	CHUYÊN NGÀNH	Không phân loại	Phẫu thuật loại ĐB	Phẫu thuật loại 1	Phẫu thuật loại 2	Phẫu thuật loại 3	Thủ thuật loại ĐB	Thủ thuật loại 1	Thủ thuật loại 2	Thủ thuật loại 3	Tổng DMKT dự kiến phê duyệt	DMKT theo TT23	Tỷ lệ
15	Răng - hàm - mặt	66	0	0	0	0	0	0	0	0	66	415	16,0%
16	Phục hồi chức năng	34	0	0	0	0	0	1	5	1	41	192	21,3%
17	Điện quang	98	0	1	0	0	34	45	102	1	280	744	37,6%
18	Nội soi chẩn đoán, can thiệp	29	0	12	5	0	15	18	3	0	81	131	62,2%
19	Thăm dò chức năng	44	0	0	0	0	2	1	10	2	59	147	40,0%
20	Huyết học - truyền máu	469	0	0	0	0	2	1	5	5	482	771	62,5%
21	Hóa sinh	144	0	0	0	0	0	0	0	0	144	375	38,5%
22	Vi sinh - Ký sinh trùng	234	0	0	0	0	0	0	0	0	234	413	56,7%
23	Giải phẫu bệnh	148	0	0	0	0	0	6	1	0	154	206	74,6%
24	Vi phẫu	0	23	3	0	0	0	0	0	0	25	60	41,7%
25	Phẫu thuật nội soi	126	54	8	0	0	0	0	0	0	189	652	29,0%
26	Phẫu thuật Tạo hình - thẩm mỹ	21	14	0	0	0	1	5	7	2	50	526	9,4%
	Tổng	2136	256	181	47	5	265	267	268	33	3458	15.211	22,7%

PHỤ LỤC 02. CƠ SỞ HẠ TẦNG BỆNH VIỆN HNĐK NGHỆ AN

I. CƠ SỞ HẠ TẦNG BỆNH VIỆN HIỆN TRẠNG VÀ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN TIẾP THEO PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1394/QĐ-UBND NGÀY 25/02/2025 CỦA UBND THÀNH PHỐ VINH PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ QUY HOẠCH (LẦN 8)

TT	Tên công trình	Hiện trạng và sau khi điều chỉnh				Tầng cao
		Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn hiện trạng (m2)	Diện tích sàn điều chỉnh (m2)		
1	Cổng chính và nhà trực bảo vệ	30	30	30	1	Đã xây dựng không thay đổi
2	Cổng bệnh nhân				1	
3	Cổng nhân viên và nhà trực bảo vệ	30	30	30	1	
4	Cổng tang lễ				1	
5	Khối nhà chính (07 tầng nổi, 01 tầng hầm)	12.900	50.053	50.053	7	
6	Trung tâm Bệnh nhiệt đới	1.200	2.400	2.400	2	
7	Khu khám chữa bệnh nội trú - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn (Hiện trạng 01 tầng)	1.770	1.770	12.390	7	UBND thành phố Vinh phê duyệt điều chỉnh trong nhiệm vụ quy hoạch (lần 8) từ 01 tầng lên 07 tầng
8	Khu khám, chữa bệnh kỹ thuật cao theo yêu cầu, Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1.930	1.930	13.510	7	UBND thành phố Vinh phê duyệt điều chỉnh trong

18

TT	Tên công trình	Hiện trạng và sau khi điều chỉnh				Tầng cao
		Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn hiện trạng (m2)	Diện tích sàn điều chỉnh (m2)		
	(Khoa Dinh dưỡng, trung tâm dịch vụ tổng hợp (đã xây dựng: Ký hiệu số 08: DTXD: 1.740) và nhà xưởng sửa chữa y tế (đã xây dựng: Ký hiệu 27: DTXD: 190)					nhiệm vụ quy hoạch (lần 8) từ 01 tầng lên 07 tầng
9	Nhà tang lễ	1.650	1.650	1.650	1	Đã xây dựng không thay đổi.
10	Trạm điện	650	650	650	1	
11	Trạm cấp nước	150	150	150	1	
12	Bể chứa 500 m3	50	50	50		
13	Nhà khí y tế	165	165	165	1	
14	Khu xử lý nước thải	42	42	42	1	
15	Nhà đốt rác	50	50	50	1	
16	Nhà làm việc khu xử lý nước thải	281	281	281	1	
17	Nhà để xe ô tô ngoài trời					
18	Khu khám bệnh, chữa bệnh - quốc tế, nhà để xe (hiện trạng 01 tầng)	2.015	20.15	14.105	7	UBND thành phố Vinh phê duyệt điều chỉnh trong nhiệm vụ quy hoạch (lần 8) từ 01 tầng lên 07 tầng

TT	Tên công trình	Hiện trạng và sau khi điều chỉnh				
		Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn hiện trạng (m2)	Diện tích sàn điều chỉnh (m2)	Tầng cao	
19	Nhà đỗ xe người nhà bệnh nhân	1.794	1.794	1.794	1	Đã xây dựng không thay đổi
20	Trụ sở làm việc BCSSK	850	4.250	4.250	5	
21	Khu chẩn đoán và điều trị nội trú (đã có trong quy hoạch lần 7, thay đổi tên)	700		4.900	7	Đã có quyết định của UBND thành phố Vinh phê duyệt trong nhiệm vụ quy hoạch
22	Sân bóng bệnh viện	2.575	2.575	2.575		Đã xây dựng không thay đổi
23	Nhà điều trị can phạm	240	480	480	2	
24	Lối vào nhà xe bệnh nhân					
25	Nhà để xe học viên	662	662	662	1	
26	Khối nhà bảo vệ nhà thuốc	180	180	180	1	
27	Xây dựng mới nhà điều trị nội trú Bệnh nhiệt đới	268	536	536	2	Đã xây dựng không thay đổi
28	Đài phun nước					
29	Hạ ngầm khu vực (khu thể thao, nhà xe và sân Trung tâm Bệnh nhiệt đới để làm nơi để xe các loại).		0	10.600	1	Đã có quyết định của UBND thành phố Vinh phê duyệt trong

TT	Tên công trình	Hiện trạng và sau khi điều chỉnh			
		Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hiện trạng (m ²)	Diện tích sàn điều chỉnh (m ²)	Tầng cao
					nhiệm vụ quy hoạch
30	Mở thêm công phụ phía Tây đường quy hoạch 24m nhằm giảm tải cho công chính				Đã có quyết định của UBND thành phố Vinh phê duyệt trong nhiệm vụ quy hoạch
	Tổng cộng:		74.078	116.713,0	Tăng 42.635,0 m²

II. DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2025-2027

TT	Tên dự án công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Khu khám, chữa bệnh nội trú - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	7	1.770	12.390
2	Khu khám, chữa bệnh kỹ thuật cao theo yêu cầu, Trung tâm dịch vụ tổng hợp	7	1.740	12.180
3	Khu khám bệnh, chữa bệnh - quốc tế, nhà để xe	7	1.930	13.510
4	Khu chẩn đoán và điều trị nội trú 7 tầng	7	750	5.250
5	Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy	HT		
6	Nâng cấp hệ thống điện dự phòng (Máy phát điện)	HT		

TT	Tên dự án công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)
7	Cải tạo, nâng cấp các khoa, phòng, trung tâm về cơ sở hạ tầng	HT		
8	Kết nối trạm điện mới thuộc nguồn lưới ĐZ478E15.1 vào lưới điện Bệnh viện	HT		
9	Cấp điện cho khu chẩn đoán và điều trị nội trú 7 tầng	HT		
10	Cấp điện cho hệ thống CT512 (Đặt tại tòa nhà Ban BVCSSKCB)	HT		
11	Cấp điện cho khu khám, chữa bệnh kỹ thuật cao theo yêu cầu	HT		
12	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải	HT		

PHỤ LỤC 03A.

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, PHẦN MỀM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HIỆN CÓ TẠI BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
I	Phần mềm		
1	Phần mềm quản lý bệnh viện (HIS)	Hệ thống	1
2	Phần mềm bệnh án điện tử (EMR)	Hệ thống	1
3	Phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS)	Hệ thống	1
4	Phần mềm quản lý thông tin xét nghiệm (LIS)	Hệ thống	1
5	Hệ thống phần mềm quản lý điều hành bệnh viện (quản lý trang thiết bị, nghiên cứu khoa học, đào tạo chỉ đạo tuyến, quản lý chất lượng)	Hệ thống	1
6	Dịch vụ lưu trữ đám mây cho hồ sơ bệnh án điện tử	Dịch vụ	1
7	Chữ ký số cho nhân viên y tế	Chữ ký số	1200
II	Thiết bị công nghệ thông tin		
8	Máy vi tính	Bộ	700
9	Máy in	Cái	400
10	Máy Scan	Cái	50
11	KIOSK tra cứu thông tin bệnh nhân	Cái	3
12	Máy chủ	Bộ	5
13	Thiết bị tường lửa	Cái	1
14	Thiết bị chuyển mạch trung tâm	Cái	2
15	Hệ thống chuyển mạch vùng	Cái	35
16	Thiết bị wifi	Cái	120

PHỤ LỤC 03B.
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, PHẦN MỀM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐẦU TƯ NĂM 2025

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Phần mềm					
1	Phần mềm bệnh án điện tử (EMR)	Hệ thống	1	7,200,000,000	7,200,000,000	Thuê dịch vụ CNTT trong vòng 36 tháng
2	Phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS)	Hệ thống	1	4.500.000.000	4.500.000.000	Thuê dịch vụ CNTT trong vòng 36 tháng
3	Phần mềm trên thiết bị di động cho nhân viên y tế và bệnh nhân	Hệ thống	1	1.000.000.000	1.000.000.000	
II	Thiết bị công nghệ thông tin					
4	Máy tính bảng	Cái	300	10.000.000	3.000.000.000	
5	Bảng ký bệnh nhân, máy lấy dấu vân tay	Cái	150	2.000.000	300.000.000	
6	Thiết bị lưu trữ SAN	Cái	1	900.000.000	900.000.000	
7	San Switch	Cái	1	500.000.000	500.000.000	
8	Thiết bị lưu trữ NAS	Cái	1	350.000.000	350.000.000	



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
9	Máy chủ	Bộ	4	600.000.000	2.400.000.000	
10	Thiết bị tường lửa	Cái	1	600.000.000	600.000.000	
11	Thiết bị chuyển mạch cho máy chủ	Cái	1	350.000.000	350.000.000	
12	Thiết bị cân bằng tải	Cái	1	250.000.000	250.000.000	
	Tổng cộng				21.350.000.000	

PHỤ LỤC 04A.
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HIỆN CÓ

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
1	Hệ thống chụp mạch một bình diện GE INNOVA IGS5	1	Hệ thống	INNOVA IGS5	2021	Tốt
2	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 64 lát cắt Ingenuity Philips	1	Hệ thống	Ingenuity	2014	Tốt
3	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính (CTScanner) 16 lát cắt MX16-Silce Philips	1	Hệ thống	MX16	2016	Tốt
4	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 32 dãy Hitachi Supria	1	Hệ thống	Supria	2021	Tốt
5	Máy chụp Xquang kỹ thuật số	3	Hệ thống	Essenta DR/Philips, GF50/Samsung, GXR-40S/DGEM	2010 - 2021	Tốt
6	Máy chụp Xquang tăng sáng truyền hình	1	Hệ thống	Luminos Select	2014	Tốt
7	Máy chụp XQuang C-Arm di động	2	Máy	Ziehm 8000, OMNISCOP C	2011 - 2020	Tốt
8	Hệ thống xét nghiệm tự động Cobas 6000 XN	1	Hệ thống	Cobas 6000	2010	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
9	Hệ thống máy xét nghiệm chiết tách tự động hoàn toàn và đồng bộ REAL TIME PCR (COBAS)	1	Hệ thống	Cobas PCR	2010	Tốt
10	Hệ thống xét nghiệm miễn dịch Architect I1000SR Abbt Laboratories	1	Hệ thống	I1000SR	2016	Tốt
11	Máy xét nghiệm định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ tự động Biomereux	1	Máy	Vitek 2	2010	Tốt
12	Bộ đầu đọc Real-time	1	Bộ	Light Cyclor 96	2015	Tốt
13	Máy chiết xuất Axit nucleic Bioneer	1	Máy	ExiPrep48 DX (A-5150)	2021	Tốt
14	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	1	Máy	Biolis 24i	2007	Tốt
15	Hệ thống máy chiết tách tự động hoàn toàn và đồng bộ (COBAS)	1	Hệ thống	Cobas PCR	2014	Tốt
16	Máy phân tích khí máu	1	Máy	Cobas 121 XN	2009	Tốt
17	Máy tách chiết DNA/RNA tự động	1	Máy	ZiXpress-32	2023	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
18	Máy xét nghiệm Elisa Human	1	Máy	Human	2010	Tốt
19	Máy phân tích huyết học tự động	1	Máy	XP-100	2016	Tốt
20	Kính hiển vi huỳnh quang	1	Cái	BX53	2020	Tốt
21	Hệ thống kính hiển vi đảo ngược	1	Hệ thống	IX73	2015	Tốt
22	Kính hiển vi soi nổi, quang học, soi ngược, 2 mắt, 3 mắt các loại	17	Cái	CX41, Lab.A1, SZX7, CX43, CKX53, CX31, Primo Star, Ser - B	2009 - 2019	Tốt
23	Máy ly tâm các loại	20	Máy	8730 KUBOTA, 5702RH, Universal 320, Rotofix 32A, S300T,...	2008 - 2020	Tốt
24	Máy lắc ủ tiêu cầu tự động	1	Máy	RLPI0090MD	2016	Tốt
25	Hệ thống tủ nuôi cấy tế bào 3 khí CO ₂ , O ₂ , N ₂	2	Hệ thống	3131 ThermoScientific, MRI Esco	2016 - 2018	Tốt
26	Máy xử lý mô tự động STP 120-2 MICROM	1	Máy	STP 120-2 MICROM	2011	Tốt
27	Máy ủ nhiệt	1	Máy	Thermomixer C	2017	Tốt
28	Máy nhân gen	1	Máy	GSX1	2017	Tốt
29	Máy lai phân tử dùng cho kỹ thuật	1	Máy	Hybridizer	2020	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
	FISH/CISH, Hybridizer, Agilent Technologies- Mỹ, Mỹ					
30	Hệ thống Laser vi phẫu phôi	1	Hệ thống	Zilos TK 790770	2016	Tốt
31	Máy đếm tế bào sống chết tự động R1 Olympus	1	Máy	R1	2019	Tốt
32	Máy đếm tế bào dòng chảy (máy phân tích tế bào dòng chảy) Navios EX Flow Cytometer 6 COLOR/ 2 LASER Beckman Coulter	1	Máy	Navios EX Flow Cytometer 6 COLOR/ 2 LASER	2019	Tốt
33	Hệ thống thiết bị chiết tách, ép tế bào máu, hàn dây túi máu Spectra Optia Terumo BCT	1	Hệ thống	Spectra Optia	2016	Tốt
34	Hệ thống giải trình tự 3500 Applied biosystem	1	Hệ thống	3500	2017	Tốt
35	Máy cắt lát vi thể	3	Máy	HM525NX, HM325	2016	Tốt
36	Máy hàn túi tế bào gốc chuyên dụng	1	Máy	T-SEAL II	2019	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
37	Máy định lượng AND, AKN & Protein	1	Máy	BioSpectrometer	2017	Tốt
38	Buồng soi sắc ký có gắn camera	1	Cái	MUV21-254/365	2020	Tốt
39	Bình chứa phôi đông lạnh	1	Cái	CryoSystem 2000 MVE Chartinc	2016	Tốt
40	Tủ lạnh âm sâu	3	Cái	DFUD-657 CE, 902, U300	2016 - 2019	Tốt
41	Máy nhiệt, rung từ 2 kênh HM-25c-A	1	Máy	HM-25c-A	2013	Tốt
42	Tủ thao tác PCR	1	Cái	UVC/T-AR	2021	Tốt
43	Buồng đếm tinh trùng	1	Cái	Sefi Instruement	2016	Tốt
44	Máy lọc khí động vô trùng	1	Máy	SP-20C	2010	Tốt
45	Máy lắc ống nghiệm	4	Máy	Vortex Genius 3 IKA, ZX-3 Velp XN, ZX3	2010 - 2020	Tốt
46	Máy lắc tròn	2	Máy	Rocker 3D digital IKA	2019	Tốt
47	Hệ thống tầm soát ung thư cổ tử cung	1	Hệ thống	Max-Prep	2018	Tốt
48	Máy phân tích nước tiểu	1	Máy	Clinitek Status	2010	Tốt
49	Máy hàn dây túi máu	1	Máy	Sealer XS1010	2015	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
50	Tủ thao tác IVF có bàn sưởi ấm toàn bộ 2 người	1	Tủ	MAW-6D8	2018	Tốt
51	Hệ thống khí sạch và điều hòa không khí hệ thống thụ tinh ống nghiệm IVF	1	Hệ thống		2016	Tốt
52	Máy chọc hút trứng	1	Máy	K-Mar 5200	2016	Tốt
53	Máy phân tích chất lượng tinh trùng	1	Máy	MTG	2016	Tốt
54	Thiết bị đo VOC MiniRAE 3000 Rea system - Mỹ	1	Cái	MiniRAE 3000	2018	Tốt
55	Lồng ấp trẻ sơ sinh	1	Cái	Care Plus 2000	2022	Tốt
56	Bình bảo quản phôi, tinh trùng	1	Cái	HC35 TaylorWharton	2016	Tốt
57	Máy chụp đáy mắt huỳnh quang Kỹ thuật số	1	Máy	VISUCAM	2010	Tốt
58	Hệ thống đốt u bằng sóng cao tần (RFA)	1	Hệ thống	VIVA RF SYSTEM	2024	Tốt
59	Máy siêu âm đàn hồi mô	1	Máy	Acuson S3000	2018	Tốt
60	Máy siêu âm đầu dò âm đạo	1	Máy	WS80A	2016	Tốt
61	Máy siêu âm tổng quát, 4D	9	Máy	Affiniti 70 (Affiniti 70G), EKO7, Sonoace R7	2011 - 2022	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
62	Máy siêu Doppler, tim	6	Máy	Affiniti 70G, Accuvix XG, Sonoace R7, Accuvix V10, Sonoace R5, Vivid E95	2011 - 2022	Tốt
63	Máy siêu âm tại giường	3	Máy	MYSONO U6	2016	Tốt
64	Máy siêu âm mắt	1	Máy	Vupad	2016	Tốt
65	Máy thăm dò huyết động	1	Máy	USCOM 1A	2019	Tốt
66	Hệ thống thiết bị nội soi tiêu hóa, hô hấp, sản phụ khoa	5	Hệ thống	VP-4500, XL-4450	2016	Tốt
67	Hệ thống nội soi Tai Mũi Họng	6	Hệ thống	Telecam DXII, XL100/LS800, LS600/XL200	2012 - 2022	Tốt
68	Máy đo độ loãng xương	1	Máy	Discovery Wi	2012	Tốt
69	Máy đo chỉ số sinh học	1	Máy	LS900	2016	Tốt
70	Máy đo điện cơ (2 kênh)	1	Máy	MEB-9400K	2016	Tốt
71	Máy đo nhĩ lượng	1	Máy	TMP 440	2012	Tốt
72	Máy đo thính lực	1	Máy	AD629e	2012	Tốt
73	Máy đo thời gian đông máu tự động	1	Máy	ACT 200	2013	Tốt
74	Máy Sinh Hiển Vi Khám Bệnh	1	Máy	SL-30	2009	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
75	Máy đo khúc xạ tự động	1	Máy	R-800	2012	Tốt
76	Máy đo chức năng hô hấp	3	Máy	Electronic Sprometes	2022	Tốt
77	Máy điện não vi tính	1	Máy	EEG-1200K	2016	Tốt
78	Máy soi cổ tử cung	1	Cái	LT300	2018	Tốt
79	Buồng đo thính lực	1	Cái		2013	Tốt
80	Máy sinh hiển vi khám mắt	1	Máy	Nippon	2007	Tốt
81	Máy đo độ cong giác mạc	1	Máy	SO 21	2011	Tốt
82	Máy đọc chỉ thị sinh học	1	Máy	290	2013	Tốt
83	Máy đo thị lực	1	Máy	CP-500	2012	Tốt
84	Kính hiển vi phẫu thuật thần kinh	1	Cái	M525 F50	2013	Tốt
85	Hệ thống thiết bị mổ nội soi ổ bụng	8	Hệ thống	1288HD Stryker	2016	Tốt
86	Hệ thống mổ nội soi 1 chíp công nghệ HD	1	Hệ thống	Karl Storz	2010	Tốt
87	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, sản, tiết niệu	1	Hệ thống	HD Olympus OTV-S7Pro	2012	Tốt
88	Hệ thống nội soi tiêu hóa can thiệp	1	Hệ thống	CV 180	2010	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
89	Máy tán sỏi thận ngoài cơ thể (mật, thận, tụy)	1	Máy	COMPACT DELTA II	2016	Tốt
90	Máy tán sỏi thận qua nội soi + nguồn Laser	1	Hệ thống	Medilas	2016	Tốt
91	Máy nội soi tán sỏi thận qua da	1	Cái	CALCUSON	2010	Tốt
92	Nguồn cắt đốt (Máy nội soi)	1	Cái	ESG-100	2013	Tốt
93	Dao Plasma dùng cho phẫu thuật tai mũi họng	1	Cái	AEX Generator (40-405-1)	2020	Tốt
94	Dao mổ siêu âm có chức năng hàn mạch	3	Cái	Gen11, Harmonic Scalpel	2008, 2016	Tốt
95	Dao mổ điện cao tần	13	Cái	System 2450, Force FX Tyco, ARC-350	2010 - 2015	Tốt
96	Hệ thống hạ lạnh	1	Hệ thống	Kryo 360 Planer	2016	Tốt
97	Máy tăng hạ nhiệt độ theo chu trình	1	Máy	7455	2019	Tốt
98	Máy đốt cổ tử cung	2	Máy	SFA 5099, ITC-150	2009, 2012	Tốt
99	Máy gây mê kèm thở	18	Máy	Fabius Plus	2009 - 2015	Tốt
100	Đèn mổ treo trần	15	Cái	V16/V10, E15/E9, Aurinio H140, E550,	2011 - 2021	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
101	Đèn mổ di động, đèn mổ treo tường	6	Cái	YD01-4LED, ZF500	2018 - 2022	Tốt
102	Bàn mổ đa năng	18	Cái	Surginox, T800.2, TS-101 EP	2012 - 2020	Tốt
103	Bàn mổ mắt	1	Cái	ES-ECOLINE	2012	Tốt
104	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình	1	Cái	T800+ACC0062	2015	Tốt
105	Máy Laser phẫu thuật CO2	1	Máy	JZ3-30P	2011	Tốt
106	Bộ dụng cụ phẫu thuật tim hở người lớn	1	Bộ	3Tielectro	2012	Tốt
107	Bộ dụng cụ phẫu thuật tim hở trẻ em	1	Bộ	B.Braun-Aesculap	2013	Tốt
108	Bộ giá sọ não-cột sống	1	Bộ	Integar	2013	Tốt
109	Hệ thống máy khoan, cưa, cắt phẫu thuật sọ não	1	Hệ thống	CONMED, AESCULAP	2014	Tốt
110	Bộ khoan xương	1	Bộ	Speed UNI	2012	Tốt
111	Bộ dụng cụ phẫu thuật mạch máu	2	Bộ	Aesculap	2007 - 2009	Tốt
112	Bộ phẫu thuật nội soi tiêu hóa can thiệp	1	Bộ	Karl storz	2010	Tốt
113	Bộ phẫu thuật nội soi khớp	1	Bộ	Karl Storz	2008	Tốt
114	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống	1	Bộ	AC 920 MEDTRONIC	2011	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
115	Bộ dụng cụ đại phẫu thuật	2	Bộ	Medin/Sec	2012	Tốt
116	Máy bào nghiền xoang mũi	1	Máy	Unidrive ECO	2011	Tốt
117	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 - 8 thông số	110	Máy	MP60, Carescape B450, BSM-3562, Dash 4000,...	2009 - 2022	Tốt
118	Máy thở chức năng cao	83	Máy	Evita V300, PB840, Carescape R860	2009 - 2023	Tốt
119	Máy sưởi ấm bệnh nhân bằng điện	1	Máy	W-500D	2016	Tốt
120	Máy trợ thở	16	Máy	V3 CP1.65, B-30T, Yel Bipap, T25T	2016 - 2021	Tốt
121	Máy truyền dịch tự động	11	Máy	TE-LF630, Infusomat P, TE112, TE-135	2007 - 2020	Tốt
122	Bơm tiêm điện	127	Máy	TE-SS730, TE S3700, TE-331, Agilia SP VN	2007 - 2021	Tốt
123	Máy xông khí dung siêu âm	4	Máy	NE U17 OMRON, NE-U17	2007 - 2011	Tốt
124	Máy lọc máu liên tục	4	Máy	OMNI, Prismaflex, DIAPACT CRRT	2013 - 2021	Tốt
125	Hệ thống tuần hoàn ngoài cơ thể	1	Hệ thống	System 1	2012	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
126	Hệ thống ECMO Terumo SP-200	1	Hệ thống	SP-200	2021	Tốt
127	Máy trao đổi Oxy ngoài cơ thể - ECMO Rotaflow Maguet	1	Máy	Rotaflow	2021	Tốt
128	Máy hạ thân nhiệt chỉ huy	1	Máy	Medivance 5000	2022	Tốt
129	Máy thận nhân tạo	18	Máy	4008S, DIALOG+	2016 - 2023	Tốt
130	Máy LASER quang đông võng mạc	1	Máy	VISULAS 532S	2010	Tốt
131	Máy LASER YAG	1	Máy	Curas (QND-C1)	2020	Tốt
132	Máy tạo nhịp tạm thời một buồng/hai buồng	5	Máy	Medtronic 5391, Medtronic 5392	2012 - 2016	Tốt
133	Máy phá rung tim	1	Máy	GE Responder	2014	Tốt
134	Máy holter điện tim và huyết áp	1	Máy	Cardioline	2014	Tốt
135	Hệ thống điện sinh lý tim LabSystemTMPRO Boston Scientific	1	Hệ thống	TMPRO	2016	Tốt
136	Máy sốc điện không đồng bộ	2	Máy	TEC 5531K	2010	Tốt
137	Máy kích thích điện & điện phân thuốc	2	Máy	ES-521	2009 - 2012	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
138	Máy điều trị bằng vi sóng 2 kênh	1	Máy	PM-820	2012	Tốt
139	Máy điều trị sóng ngắn hai kênh xung & liên tục	1	Máy	SW-180	2009	Tốt
140	Hệ thống (giường) kéo giãn cột sống cổ, ngực, lưng	1	Hệ thống	TM-400-1E	2012	Tốt
141	Máy kéo giãn cột sống	1	Máy	ITO	2007	Tốt
142	Máy kích thích nhu động ruột Enraf-Nonius (Máy điện trị liệu đa năng bằng điện cực)	1	Máy	Endomed 482	2021	Tốt
143	Hệ thống giàn tập phục hồi chức năng toàn thân	1	Hệ thống	EX-100	2013	Tốt
144	Máy điều trị bằng điện trường cao áp	1	Máy	BIOS 9000	2009	Tốt
145	Máy điều trị chứng khó nuốt	1	Máy	DJO 5923-3	2021	Tốt
146	Máy điện xung - Điện phân trị liệu	6	Máy	Stimutur 531, DM-3000, Dolo Bravo	2015 - 2017	Tốt
147	Máy chăm sóc da đa chức năng	1	Máy	Iontoson 2	2019	Tốt
148	Máy siêu âm điều trị	1	Máy	ITO 750	2008	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
149	Máy điều trị điện xung kết hợp giác hút chân không	1	Máy	H-3000	2019	Tốt
150	Máy hút khí màng phổi	2	Máy	Constant-1400	2018	Tốt
151	Máy hấp tiệt trùng tự động	4	Máy	Sterrad 100S, 55120-1VEP, Steris, Reno-S130	2012 - 2016	Tốt
152	Máy rửa dụng cụ khử khuẩn	1	Máy	Tiva 610/2D	2016	Tốt
153	Máy hàn bao duỗi khí	1	Máy	8-6200-0	2019	Tốt
154	Hệ thống lọc nước R.O	2	Hệ thống	TA/WTS-RO-HD500, TA/WTS-RO-HD125	2021	Tốt
155	Hệ thống khí sạch phòng mổ AHU	12	Hệ thống	ALKO	2015	Tốt
156	Hệ thống cấp khí y tế	1	Hệ thống	MIL'S	2014	Tốt
157	Hệ thống khí nén y tế	1	Hệ thống	CLD 3-270	2012	Tốt
158	Hệ thống vận chuyển mẫu tự động	1	Hệ thống		2024	Tốt
159	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 3.0 Tesla	1	Hệ thống	Signa Pioneer/ GE Healthcare	2025	Tốt

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Model	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng hoạt động
160	Máy xét nghiệm đàn hồi đồ cục máu	1	Máy	ROTEM	2025	Tốt
161	Hệ thống nội soi tiêu hoá chẩn đoán ung thư sớm	3	Hệ thống	X1/ Olympus	2025	Tốt
162	Dao mổ siêu âm cắt gan và mô mềm	1	Cái	CUSAEXCEL9	2025	Tốt
163	Hệ thống tán sỏi đường mật	1	Hệ thống	Olympus/OTV-S200	2025	Tốt
164	Máy siêu âm tổng quát	3	Máy	Arietta 65	2025	Tốt
165	Máy siêu âm tim	4	Máy	Arietta 65	2025	Tốt
166	Máy siêu âm sản khoa	3	Máy	Arietta 65	2025	Tốt

PHỤ LỤC 04B.
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐÃ VÀ ĐANG ĐẦU TƯ
NĂM 2024 – 2025

TT	Danh mục trang thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Hệ thống định vị Navigation	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
2	Hệ thống phẫu thuật nội soi 4K	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
3	Kính hiển vi phẫu thuật	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
4	Bộ dụng cụ phẫu thuật tim và mạch máu	1	Bộ	Đang triển khai mua sắm
5	Bộ dụng cụ phẫu thuật ghép gan, ghép tim, ghép thận	2	Bộ	Đang triển khai mua sắm
6	Hệ thống chụp CLVT 256 dãy, ≥ 512 lát cắt	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
7	Hệ thống chụp CLVT 64 dãy, ≥ 128 lát cắt/ vòng quay	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
8	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
9	Hệ thống chụp mạch 2 bình diện	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
10	Hệ thống chụp CLVT ≥ 32 lát cắt/ vòng quay	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
11	Máy chụp cắt lớp võng mạc (OCT)	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
12	Máy CT Cone Beam	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
13	Hệ thống Nội soi khí phế quản	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
14	Bộ quan sát đáy mắt	1	Bộ	Đang triển khai mua sắm
15	Máy khoan cắt nạo Tai mũi họng	1	Máy	Đang triển khai mua sắm

TT	Danh mục trang thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
16	Máy Khoan xương	2	Máy	Đang triển khai mua sắm
17	Máy bào da	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
18	Máy tán sỏi laser	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
19	Đèn mổ treo trần	3	Cái	Đang triển khai mua sắm
20	Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
21	Holter Điện tim, huyết áp	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
22	Máy khoan các tổn thương vôi hóa ở động mạch (Rotablator)	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
23	Máy lọc HDF online	2	Máy	Đang triển khai mua sắm
24	Máy phá rung tim	5	Máy	Đang triển khai mua sắm
25	Điện tim 12 cần	8	Máy	Đang triển khai mua sắm
26	Điện tim 6 cần	10	Máy	Đang triển khai mua sắm
27	Bơm tiêm điện	20	Máy	Đang triển khai mua sắm
28	Máy theo dõi bệnh nhân sản khoa	10	Máy	Đang triển khai mua sắm
29	Máy thở chức năng cao	15	Máy	Đang triển khai mua sắm
30	Máy theo dõi bệnh nhân (7 thông số)	8	Máy	Đang triển khai mua sắm
31	Máy theo dõi bệnh nhân (5 thông số)	12	Máy	Đang triển khai mua sắm
32	Máy thận nhân tạo	6	Máy	Đang triển khai mua sắm
33	Máy điện cơ	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
34	Máy đo đa ký giấc ngủ	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
35	Máy đo đa ký hô hấp	2	Máy	Đang triển khai mua sắm
36	Máy phế thân ký	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
37	Laser He-Ne	2	Máy	Đang triển khai mua sắm

TT	Danh mục trang thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
38	Máy điện não	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
39	Máy siêu âm Doppler xuyên sọ	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
40	Máy Xquang tại giường	3	Máy	Đang triển khai mua sắm
41	Máy Xquang kỹ thuật số	2	Máy	Đang triển khai mua sắm
42	Máy gây mê kèm thở	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
43	Hệ thống tủ nuôi cấy Timelapse	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
44	Giường hồi sức	50	Cái	Đang triển khai mua sắm
45	Giường 3 tay quay	180	Cái	Đang triển khai mua sắm
46	Giường bệnh 1 tay quay	1200	Cái	Đang triển khai mua sắm
47	Ghế răng	2	Cái	Đang triển khai mua sắm
48	Bàn đỡ	6	Cái	Đang triển khai mua sắm
49	Tủ đầu giường	670	Cái	Đang triển khai mua sắm
50	Cáng bệnh nhân	60	Cái	Đang triển khai mua sắm
51	Tủ thuốc	15	Cái	Đang triển khai mua sắm
52	Xe tiêm đa năng	35	Cái	Đang triển khai mua sắm
53	Xe lăn	70	Cái	Đang triển khai mua sắm
54	Máy hấp tiệt trùng nhiệt độ cao	4	Máy	Đang triển khai mua sắm
55	Máy giặt công nghiệp	4	Máy	Đang triển khai mua sắm
56	Máy sấy đồ vải công nghiệp	3	Máy	Đang triển khai mua sắm
57	Máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ Plasma	2	Máy	Đang triển khai mua sắm
58	Máy rửa khử khuẩn và sấy khô dụng cụ	2	Máy	Đang triển khai mua sắm
59	Tủ sấy dụng cụ, dây thở	2	Cái	Đang triển khai mua sắm
60	Máy cắt túi ép tự động	2	Máy	Đang triển khai mua sắm

TT	Danh mục trang thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
61	Hệ thống khoan mài phẫu thuật	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
62	Hệ thống O-arm	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
63	Hệ thống Robot thần kinh cột sống	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
64	Hệ thống nội soi phẫu thuật	6	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
65	Dao mổ điện	6	Cái	Đang triển khai mua sắm
66	Hệ thống tuần hoàn ngoài cơ thể và máy trao đổi nhiệt	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
67	Hệ thống nội soi chẩn đoán	4	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
68	Hệ thống nội soi siêu âm	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
69	Hệ thống nội soi ruột non	1	Hệ thống	Đang triển khai mua sắm
70	Máy siêu âm sản khoa cao cấp	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
71	Máy siêu âm tim cao cấp	1	Máy	Đang triển khai mua sắm
72	Máy siêu âm xách tay	3	Máy	Đang triển khai mua sắm
73	Máy chạy thận nhân tạo	6	Máy	Đang triển khai mua sắm
74	Máy li tâm lạnh	1	Máy	Đang triển khai mua sắm



PHỤ LỤC 04C.
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Hệ thống Robot phẫu thuật tổng quát (mô tiêu hóa, gan mật, tiết niệu, tim mạch, sản)	Hệ thống	1	60.000	60.000	
2	Robot phẫu thuật thần kinh (giành cho phẫu thuật thần kinh cột sống)	Hệ thống	1	40.000	40.000	
3	Hệ thống Robot phẫu thuật chấn thương	Hệ thống	1	35.000	35.000	
4	Robot can thiệp mạch	Hệ thống	1	27.000	27.000	
5	Máy đặt bóng đối xung động mạch chủ	Cái	1	3.300	3.300	
6	Hệ thống triệt đốt rối loạn nhịp bằng nhiệt lạnh (CryoAblation)	Hệ thống	1	5.500	5.500	
7	Máy phá mảng vôi động mạch ngoại biên bằng sóng xung kích qua đường ống thông (Lithotripsy)	Máy	1	3.000	3.000	
8	Trang thiết bị xét nghiệm hoà hợp trước ghép: HLA, tiền miễn cảm, phản ứng cross-match	Hệ thống	1	4.000	4.000	
9	Máy lọc máu liên tục quả lọc thải CO2	Máy	3	2.000	6.000	
10	Hệ thống phẫu thuật Lasik	Hệ thống	1	20.000	20.000	
11	Hệ thống triệt đốt rung nhĩ và các dạng rối loạn nhịp tim sử dụng nguồn năng lượng từ xung	Hệ thống	1	15.000	15.000	

STT	Danh mục trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
12	Hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim	Hệ thống	1	8.000	8.000	
13	Máy theo dõi huyết động và cung lượng tim	Máy	2	1.750	3.500	
14	Hệ thống Mornitor trung tâm	Hệ thống	3	5.000	15.000	
15	Máy hạ thân nhiệt nội mạch	Máy	1	2.500	2.500	
16	Hệ thống sắc ký lỏng khối phổ ba tứ cực (LC/MS/MS)	Hệ thống	1	8.500	8.500	
17	Hệ thống quang phổ plasma cảm ứng (ICP-MS)	Hệ thống	1	7.500	7.500	
18	Hệ thống sắc ký khí phổ MCMS	Hệ thống	1	5.500	5.500	
	Tổng cộng				269.300	

Trong đó: Bệnh viện tự cân đối từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn huy động hợp pháp khác, số tiền: 177,8 tỷ đồng.

PHỤ LỤC 05
BẢNG CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHUẨN VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG
CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH HẠNG I
(Tính đến thời điểm tháng 31/12/2024)

TT	Điểm chuẩn	Nội dung	Điểm đạt	Đánh giá
I	10 điểm	Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ	10 điểm	
1	4 điểm	Vị trí chức năng, chỉ đạo kỹ thuật	4 điểm	
1.1	4 điểm	<i>Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền)</i> <i>- Quyết định số 1670/QĐ-BYT ngày Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền) - Quyết định số 1670/QĐ-BYT ngày 25/3/2021 của Bộ y tế về việc công nhận và giao nhiệm vụ là tuyến cuối về chuyên môn kỹ thuật khám chữa bệnh khu vực Bắc Trung Bộ cho Bệnh viện HNĐK Nghệ An.</i> <i>+ Bệnh viện được UBND Tỉnh Nghệ An giao nhiệm vụ chỉ đạo về chuyên môn cho tất cả các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 3602/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND Tỉnh Nghệ An. Bộ Y tế giao nhiệm vụ chỉ đạo chuyên môn về chuyên ngành Nội khoa, Ngoại khoa và Sản Phụ khoa cho 40 cơ sở y tế tuyến tỉnh và 82 cơ sở y tế tuyến huyện thuộc khu vực Bắc Trung Bộ (Tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế) với với quy mô 22.425 giường bệnh.</i> <i>+ Đến nay, bệnh viện đã khảo sát tình hình thực tế và hỗ trợ đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho 12 đơn vị y tế của tỉnh Hà Tĩnh, 24 đơn vị y tế trong tỉnh Nghệ An với hơn 10 kỹ thuật được đào tạo, chuyển giao.</i>	4 điểm	Đạt
2	3 điểm	Đào tạo	3 điểm	
2.1	3 điểm	<i>Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ đại học và sau đại học lĩnh vực sức khỏe:</i> <i>- Bệnh viện đã được Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo Bộ Y tế cấp mã đào tạo liên tục C33.01 theo Quyết định số 174/QĐ-K2T ngày 20/10/2014. - Đã triển khai xây dựng 65 chương trình đào tạo liên tục, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho nhân lực tại chỗ, các cơ sở y tế trong khu vực Bắc Trung Bộ và trên toàn quốc. Từ năm 2023 đến năm 2024 Bệnh viện đã tổ chức 06 khóa đào tạo liên tục với 105 lớp, cấp chứng chỉ đào tạo liên tục cho 473 học viên. Bệnh viện tiếp nhận đào tạo</i>	3 điểm	Đạt

TT	Điểm chuẩn	Nội dung	Điểm đạt	Đánh giá
		theo hình thức cầm tay chỉ việc cho 187 học viên là cán bộ y tế ở các đơn vị y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện trong khu vực Bắc Trung Bộ và trên toàn quốc. - Bệnh viện được công bố đủ điều kiện là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu của cơ sở thực hành cho 6 trường Đại học đào tạo khối ngành sức khỏe theo công văn số 1980/BVHNĐKNA ngày 23 tháng 11 năm 2018, Công văn số 1897/BVHNĐKNA ngày 10 tháng 10 năm 2022 và Công văn số 2493/BVHNĐKNA ngày 29 tháng 09 năm 2023, gồm: Trường Đại học Y khoa Vinh, Trường Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Dược Hải Phòng, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên. Theo đó, Bệnh viện đủ điều kiện tiếp nhận đào tạo thực hành cho trình độ sau đại học: Bác sĩ chuyên khoa II, Bác sĩ chuyên khoa I, Bác sĩ y khoa, Cử nhân Điều dưỡng ... Tổng số học viên đào tạo thực hành trình độ sau đại học tại Bệnh viện là 170 học viên và hơn 6180 sinh viên Đại học, Cao đẳng cho tất cả các chuyên ngành năm 2023-2024. 1. ĐH Y khoa Vinh Đối tượng: Bác sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên xét nghiệm. Hợp đồng đào tạo số 01/HĐTH-BVHNĐKNA ngày 22/8/2019. 2. ĐH Vinh Đối tượng: Điều dưỡng. Hợp đồng đào tạo số 90/HĐTH-DHV ngày 11/08/2020). 3. ĐH Y Hà Nội Đối tượng: Bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên Hợp đồng đào tạo số 02/2019/HĐĐT/DHYHN-BVHNĐKNA ngày 10/08/2019. 4. ĐH Y Hải Phòng Đối tượng: Bác sĩ Hợp đồng đào tạo số 03/HĐĐT-YDHP ngày 10/02/2018. 5. ĐH Y Thái Bình Đối tượng: Bác sĩ Hợp đồng đào tạo số 01/HĐ/BVHNĐKNA-DHYDTB ngày 10/03/2018. 6. Đại học Thái Nguyên Đối tượng: Bác sĩ chuyên khoa II Tai Mũi họng. Hợp đồng nguyên tắc số 134/HĐTH-BVHNĐK ngày 19/04/2024		
3	3 điểm	Nghiên cứu khoa học	3 điểm	
3.1	3 điểm	Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia. Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia - Quyết định số 1099/QĐ-BKHCN ngày 28/05/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ tiên tiến trong y tế và phát triển sản phẩm chăm sóc sức khỏe”, mã số: KC.10/21-30.		Đạt

TT	Điểm chuẩn	Nội dung	Điểm đạt	Đánh giá
		- Tên Đề tài “Ứng dụng công nghệ AI và BIG DATA trong chẩn đoán, can thiệp và điều trị nhồi máu cơ tim cấp” do Bệnh viện chủ trì.		
II	15 điểm	Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động	15 điểm	
1	2 điểm	Điểm đánh giá chất lượng bệnh viện trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị	2 điểm	
1.1	6 điểm	Đạt từ 4,0 điểm trở lên: Năm 2023: 4.17 Năm 2024: 4.22	2 điểm	Đạt
2	4 điểm	Số giường bệnh kế hoạch	4 điểm	
2.1		Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đa khoa		
a)	4 điểm	Từ 1000 giường trở lên: Năm 2025: 2000 giường bệnh, theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An	4 điểm	Đạt
2.2		Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa		
a)	4 điểm	Từ 400 giường trở lên	4 điểm	Đạt
3	3 điểm	Công suất sử dụng giường bệnh tính theo giường bệnh được cấp có thẩm quyền giao trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị	3 điểm	
3.1	3 điểm	Đạt từ 95% Năm 2023: Tỷ lệ: 117.7% Năm 2024: Tỷ lệ: 122.6%	3 điểm	Đạt
4	2 điểm	Tỷ lệ người bệnh nội trú thuộc đối tượng chăm sóc cấp một trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị	2 điểm	
4.1	2 điểm	Từ 20% số người bệnh nội trú trở lên - Năm 2023: $462/2308=20,02\%$ + Số người bệnh phân cấp chăm sóc cấp I hàng ngày thống kê được tại 35/36 khoa lâm sàng có giường bệnh. + Tại	2 điểm	Đạt

TT	Điểm chuẩn	Nội dung	Điểm đạt	Đánh giá
		các khoa, trung tâm thuộc hệ hồi sức (Hồi sức tích cực, chống độc, trung tâm hồi sức, Hồi sức ngoại khoa, Hồi sức sơ sinh, Hồi tỉnh, nhà đẻ, cấp cứu Đột quy) người bệnh chăm sóc cấp 1 luôn đạt 100% người bệnh điều trị. + Số lượng nhân lực điều dưỡng lâm sàng chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc của người bệnh (Điều dưỡng lâm sàng/Bác sĩ lâm sàng: $608/431 = 1,41$) - Năm 2024: $497/2475 = 20,08\%$ + Số người bệnh phân cấp chăm sóc I hàng ngày thống kê được tại 35/36 khoa lâm sàng có giường bệnh. + Tại các khoa, trung tâm thuộc hệ hồi sức (Hồi sức tích cực, chống độc, trung tâm hồi sức, Hồi sức ngoại khoa, Hồi sức sơ sinh, Hồi tỉnh, nhà đẻ, cấp cứu Đột quy) người bệnh chăm sóc cấp 1 luôn đạt 100% người bệnh điều trị. + Số lượng nhân lực điều dưỡng lâm sàng chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc người bệnh (Điều dưỡng lâm sàng/Bác sĩ lâm sàng: $620/420 = 1,48$).		
III	20 điểm	Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	18 điểm	
1	3 điểm	Bảo đảm số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế và liên quan chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị Căn cứ Đề án vị trí việc làm năm 2024 đính kèm Quyết định số 658/QĐ-BV ngày 18/3/2024. Tổng nhân lực 2519 người, số lượng người làm việc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế là 1943 người, chiếm tỷ lệ 77% tổng số nhân lực (1943/2519). - Tháng 12/2024 nhân lực hiện có là 1875 người, số lượng người làm việc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế là 1453 người, chiếm 77% tổng số nhân lực (1453/1875).	3 điểm	Đạt
2	5 điểm	Các trưởng khoa và phó trưởng khoa	5 điểm	
2.1	5 điểm	Từ 60% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II - Tổng số trưởng, phó khoa, Giám đốc, phó giám đốc trung tâm: 81 người, trong đó: + Tổng số Trưởng khoa, Giám đốc các khoa, trung tâm: 42 người (trong đó 37 TS, CKII.) + Tổng số Phó khoa, Phó Giám đốc các khoa, trung tâm: 39 người (trong đó 35 TS, CKII); + Tỷ lệ trưởng, phó khoa, Giám đốc, phó giám đốc trung tâm/tổng số: $72/81 = 89\%$.	5 điểm	Đạt

TT	Điểm chuẩn	Nội dung	Điểm đạt	Đánh giá
3	5 điểm	Điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật y trưởng các khoa lâm sàng	3 điểm	
3.3	3 điểm	Từ 10% đến dưới 30% có trình độ sau đại học - Tổng số các khoa, trung tâm có đến 12/2024: 42 khoa, phòng trung tâm gồm có: 7 khoa, trung tâm cận lâm sàng; 35 khoa, trung tâm khối lâm sàng. - Tổng số Điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật viên trưởng khối lâm sàng 35 người. - Tỷ lệ sau đại học/tổng số: $9/35 = 26\%$.	3 điểm	Chưa đạt
4	7 điểm	Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng	7 điểm	
4.1	7 điểm	Từ 50% trở lên có trình độ chuyên khoa I và tương đương: Tỷ lệ bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng có trình độ sau đại học/tổng số là: $279/435 = 64\%$	7 điểm	Đạt
IV	40 điểm	Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	34 điểm	
1	10 điểm	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa)	8 điểm	
1.2	8 điểm	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt $\geq 70\%$ đến $< 95\%$ trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó Đạt 71,7% (957/1335)	8 điểm	Chưa đạt
2	10 điểm	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa)	10 điểm	
2.2	8 điểm	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt $\geq 70\%$ đến $< 95\%$ trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó Đạt 94,0% (2292/2436).	8 điểm	Chưa đạt
3	10 điểm	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa; trừ các kỹ thuật đã có phương pháp hiện đại thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I và đặc biệt thay thế)	10 điểm	

TT	Điểm chuẩn	Nội dung	Điểm đạt	Đánh giá
3.2	8 điểm	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt $\geq 70\%$ đến $< 95\%$ trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó <i>Đạt: 87,9% (1467/1669)</i>	8 điểm	Chưa đạt
4	10 điểm	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa; trừ các kỹ thuật đã có phương pháp hiện đại thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I, II và đặc biệt thay thế)	10 điểm	
4.1	10 điểm	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó <i>Đạt 95% (638/671)</i>	10 điểm	Đạt
V	15 điểm	Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, thiết bị (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	14 điểm	
1		Cơ sở hạ tầng		
1.1	1 điểm	Chính phủ cho chủ trương tại Văn bản số 1192/CP-VX ngày 24/8/2004; UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt dự án đầu tư số 4414/QĐ-UB.CN ngày 19/11/2004 quy hoạch tại Quyết định số 2557/QĐ-UB.CN ngày 12/7/2005 và điều chỉnh tại Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 05/4/2021, có tổng diện tích đất là 9,67 ha; Kiến trúc XD theo tiêu chuẩn xây dựng, đầu tư đồng bộ mới đưa vào sử dụng năm 2014; Thiết kế, đầu tư xây dựng theo tiêu chuẩn Quốc gia 4470:2012. DTXD công trình: 30.212m ² ; Diện tích quy hoạch xây dựng: 74.078,0m ² ; diện tích sàn điều chỉnh tại QĐ số 1394/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND thành phố Vinh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (lần 8) để thực hiện đề án hạng đặc biệt lên khoảng 116.713m ² , (tăng thêm khoảng 42.635m ² DTS) mật độ xây dựng: 40,36% /45%, tầng cao 01-07 tầng nổi và 01 tầng hầm (<i>Hiện nay chưa được đầu tư hệ thống kho lưu trữ hồ sơ bệnh án, chứng từ kế toán ... nên cơ sở vật chất chưa đáp ứng</i>)	0.5 điểm	Chưa đạt
1.2	0,5 điểm	Có phân vị trí các khu vực chức năng đảm bảo dây chuyền hoạt động của cơ sở: Khu hành chính, các đơn vị chức năng (làm việc về hành chính); Khu kỹ thuật nghiệp vụ (xét nghiệm/kho chuyên dụng ...); Khu tiếp đón, dịch vụ (tiếp đón 1 cửa, cấp mẫu xét nghiệm, khám đa khoa, chuyên khoa, ...)	0,5 điểm	Đạt

TT	Điểm chuẩn	Nội dung	Điểm đạt	Đánh giá
		Khu hành chính các đơn vị chức năng; Khu kỹ thuật; Khu đón tiếp được đầu tư đồng bộ mới đưa vào sử dụng năm 2014, theo tiêu chuẩn Quốc gia 4470: 2012 Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế. Diện tích đã quy hoạch xây dựng: 74.078,0m²; Diện tích sàn sau khi đầu tư để phát triển Bệnh viện hạng đặc biệt đến năm 2028 là khoảng 116.713m²/74.078m². Tăng 42.635m² để bố trí lại Khu kỹ thuật nghiệp vụ (xét nghiệm/kho chuyên dụng ...); Khu tiếp đón, dịch vụ (tiếp đón 1 cửa, cấp mẫu xét nghiệm, khám đa khoa, ...), Khu hành chính, kho, Khu tầng hầm để xe các loại.... mật độ xây dựng: 40,36% /45%, gồm 33 hạng mục công trình xây dựng cao từ 01 đến 07 tầng nổi và 01 tầng hầm.		
1.3	0,5 điểm	Môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, có bảng biển chỉ dẫn rõ ràng thuận tiện cho cá nhân, đơn vị đến liên hệ công tác, sử dụng dịch vụ Được quy hoạch và đầu tư đồng bộ, diện tích vườn hoa thảm cỏ chiếm khoảng 1,1 ha, cây xanh bóng mát có tán rộng ≥ 5 m khoảng 110 cây. Môi trường, cảnh quan xanh, sạch đẹp; Hệ thống bảng biển chỉ dẫn đầu tư đồng bộ, rõ ràng thuận tiện cho cá nhân, đơn vị đến liên hệ công tác, sử dụng dịch vụ.	0,5 điểm	Đạt
1.4	1 điểm	Đường giao thông nội bộ bảo đảm thuận tiện cho cấp cứu vận chuyển người bệnh, phòng cháy chữa cháy, phân luồng giao thông rõ ràng mạch lạc Bệnh viện có diện tích đất (khu A): 74.848,5m², diện tích xây dựng công trình: 30.212m², mật độ xây dựng: 40,36%. Trong đó có 04 cổng và 03 lối đi vào, hệ thống đường giao thông nội bộ được thiết kế, đầu tư xây dựng đồng bộ theo Quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2557/QĐ-UB.CN ngày 12/7/2005, và Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 05/4/2021); các thông số theo tiêu chuẩn, bảo đảm thuận tiện cho cấp cứu vận chuyển người bệnh, phòng cháy chữa cháy, phân luồng giao thông rõ ràng mạch lạc.	1 điểm	Đạt
1.5	1 điểm	Khu kỹ thuật (phòng mổ, hồi sức, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X-quang,...) đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành	1 điểm	Đạt

TT	Điểm chuẩn	Nội dung	Điểm đạt	Đánh giá
		<i>Bệnh viện có 18 phòng mổ được đầu tư đồng bộ tại tầng 02 khối nhà điều trị 07 tầng, có khu hồi sức nội khoa và hồi sức ngoại khoa riêng, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X-quang,... Được đầu tư, xây dựng, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại, đưa vào sử dụng năm 2014, theo tiêu chuẩn Quốc gia 4470:2012 Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế.</i>		
1.6	1 điểm	<i>Có hệ thống điện đảm bảo các tiêu chuẩn và công suất sử dụng (có hệ thống an toàn điện cho các thiết bị y tế, lộ cấp điện ưu tiên, máy phát điện dự phòng, hệ thống lưu điện): Bệnh viện sử dụng nguồn điện lưới quốc gia từ 1 nguồn (Trạm Nghi Phú, ĐZ379E15.1), với 1 máy biến áp 35/0.6kV có công suất là 1600kVA, thuộc phụ tải điện nhóm 3, chạy điện ưu tiên cho toàn bộ bệnh viện. Trong trường hợp mất điện lưới, hệ thống cung cấp điện sẽ tự động chuyển sang nguồn điện từ 03 máy phát điện dự phòng, 01 máy có công suất 640kVA và 02 máy có công suất 706kVA hòa đồng bộ, đảm bảo duy trì hoạt động của các khoa/phòng/trung tâm ưu tiên</i>	1 điểm	Đạt
1.7	0,5 điểm	<i>Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí toàn bệnh viện đang hoạt động hoặc có hợp đồng xử lý chất thải rắn, lỏng, khí bảo đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định. Hệ thống xử lý chất thải lỏng: có (nhưng các chỉ số quan trắc chưa đạt chuẩn). 2. Chất thải rắn: Hợp đồng thuê công ty xử lý (Đấu thầu rộng rãi) đúng quy định pháp luật</i>	0,5 điểm	Đạt
1.8	1 điểm	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin toàn bệnh viện phục vụ công tác chuyên môn, quản lý, thống kê để nâng cao hiệu quả công việc: Bệnh viện có cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản: hệ thống các switch Gigabit, hệ thống cáp quang kết nối giữa các switch; Bệnh viện đã ứng dụng các phần mềm quản lý Thông tin Bệnh viện (HIS), phần mềm quản lý thông tin xét nghiệm (LIS) trong công tác khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán BHYT Phần mềm đáp ứng việc quản lý khám bệnh, chữa bệnh và quản lý điều hành Bệnh viện. Thanh toán viện phí không sử dụng tiền mặt; Các ứng dụng về Quản lý điều hành: Quản lý nhân sự, quản lý tài chính. Tuy nhiên ứng dụng công nghệ thông tin chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao trong công tác khám chữa bệnh, quản trị của Bệnh viện, như chưa Bệnh án điện tử, đặc biệt trong công tác chuyển đổi số.</i>	1 điểm	Đạt

TT	Điểm chuẩn	Nội dung	Điểm đạt	Đánh giá
2		Máy móc, thiết bị		
2.1	0,5 điểm	Danh mục thiết bị y tế tại đơn vị đầy đủ, đáp ứng theo danh mục kỹ thuật được phê duyệt tại đơn vị <i>Thực hiện thông tư 07/2015/TT-BYT quy định chi tiết điều kiện thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới phương pháp mới trong khám chữa bệnh. Trong đó việc đảm bảo trang thiết bị y tế là điều kiện cần để thực hiện thủ tục phê duyệt triển khai các kỹ thuật. Hiện nay bệnh viện có gần 1000 trang thiết bị y tế với gần 300 loại khác nhau.</i>	0,5 điểm	Đạt
2.2	1 điểm	Máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị phù hợp với quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền <i>Trang thiết bị Bệnh viện được trang bị phù hợp với định mức trang thiết bị y tế được quy định tại Quyết định 2159/QĐ-UBND ngày 03/07/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) lĩnh vực y tế của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Tỉnh Nghệ An; Quyết định số 1448/QĐ-BV ngày 14/6/2024 về tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) tại Bệnh viện HNĐK Nghệ An.</i>	1 điểm	Đạt
2.3		Tiện nghi khoa, buồng bệnh		
a)	0,5 điểm	Bảo đảm điều kiện và an toàn, tiện nghi tại các khoa buồng bệnh <i>Bảo đảm điều kiện và an toàn, tiện nghi tại các khoa buồng bệnh</i>	0,5 điểm	Đạt
b)	0,5 điểm	Phòng phẫu thuật và ICU có hệ thống khí sạch đảm bảo tiêu chuẩn theo công năng sử dụng. Phòng hồi sức cấp cứu, phòng đẻ, phòng phẫu thuật có phương tiện gọi trực cấp cứu khẩn cấp <i>Hiện nay khoa Gây mê Hồi sức và Hồi sức ngoại khoa có hệ thống khí sạch, áp lực dương (AHU), đảm bảo yêu cầu vô khuẩn của phẫu thuật.</i>	0,5 điểm	Đạt
2.4		Công tác quản lý về thiết bị y tế		
a)	1 điểm	Bệnh viện có bộ phận và nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý về thiết bị y tế <i>Phòng Vật tư thiết bị y tế được thành lập từ những ngày đầu bệnh viện Việt Nam – Ba Lan (1985) và nay là Bệnh viện HNĐK Nghệ An. Phòng VTTB có nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng sửa chữa,</i>	1 điểm	Đạt

TT	Điểm chuẩn	Nội dung	Điểm đạt	Đánh giá
		<i>mua sắm trang thiết bị, quản lý điện nước, khí y tế ... phục vụ công tác chuyên môn trong bệnh viện. Đội ngũ kỹ sư trang thiết bị của bệnh viện có 9 người được đào tạo căn bản, trong đó 01 người có trình độ thạc sĩ và 01 người đang được đào tạo sau đại học, đảm bảo nhân lực quản lý trang thiết bị. Đội ngũ kỹ sư quản lý trang thiết bị được đào tạo ngắn hạn, dài hạn, tham gia hội nghị hội thảo hàng năm</i>		
b)	1 điểm	Có đầy đủ hồ sơ quản lý, theo dõi đối với thiết bị y tế tại đơn vị về: danh mục; sử dụng; kiểm tra; bảo dưỡng; sửa chữa; thay thế vật tư linh kiện; kiểm định, hiệu chuẩn <i>Phòng VTTB có hồ sơ quản lý theo dõi về danh mục, số lượng, công tác sửa chữa, kiểm tra, thay thế vật tư linh kiện hàng năm.</i>	1 điểm	Đạt
c)	1 điểm	Có quy chế quản lý, sử dụng, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, bảo quản thiết bị y tế tại đơn vị <i>Bệnh viện đã ban hành xây dựng quy chế sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra, bảo quản trang thiết bị y tế trong toàn Bệnh viện và được ban hành tại quyết định số 3707/QĐ-BV ngày 29/12/2023.</i>	1 điểm	Đạt
d)	1 điểm	Thực hiện kiểm kê định kỳ hàng năm về thiết bị y tế	1 điểm	Đạt
2.5		Công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị		
a)	0,5 điểm	Có kế hoạch hàng năm và bố trí kinh phí về công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị <i>Hàng năm đều xây dựng kế hoạch về bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị, có xây dựng và phê duyệt dự toán được Giám đốc bệnh viện phê duyệt.</i>	0,5 điểm	Đạt
b)	1 điểm	Triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị theo đúng kế hoạch đã phê duyệt <i>Bệnh viện đã thực hiện kiểm định trang thiết bị theo thông tư 05/2022/TT-BYT, kiểm định các thiết bị y tế bức xạ, thiết bị đo lường nhóm 2, kiểm định liều xạ kế và tiến hành bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị theo kế hoạch: hệ thống CLVT 64 dây, CLVT 32 dây, hệ thống máy siêu âm, hệ thống máy gây mê, máy thở...</i>	0.5 điểm	Chưa đạt

TT	Điểm chuẩn	Nội dung	Điểm đạt	Đánh giá
		<i>Đối với công tác bảo dưỡng, hiện nay mới triển khai được đối với một số hệ thống thiết bị lớn: CLVT, hệ thống máy gây mê kèm thở, hệ thống máy thở, hệ thống máy siêu âm, máy bơm tiêm điện ... vẫn còn một số thiết bị chưa được bảo dưỡng thường xuyên đặc biệt là bảo dưỡng cấp 3.</i>		
2.6	0,5 điểm	Có nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý, thực hiện công tác chuyên môn kỹ thuật về thiết bị y tế được đào tạo liên tục, tập huấn, tham gia hội nghị, hội thảo lĩnh vực thiết bị y tế hàng năm <i>Năm 2024: bệnh viện đã cử 12 lượt cán bộ tham gia tập huấn, hội nghị, hội thảo và đào tạo về các nội dung có liên quan đến công tác thuộc lĩnh vực trang thiết bị.</i>	0,5 điểm	Đạt
		Tổng điểm	91 điểm	

PHỤ LỤC 06.
TIÊU CHUẨN CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH HẠNG ĐẶC BIỆT
(Tính đến thời điểm tháng 31/12/2024)

1. Nguyên tắc chung

- 1.1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được xếp hạng I đạt 100 điểm và đạt các tiêu chuẩn dưới đây được xếp hạng đặc biệt.
 1.2. Không cho điểm khi đánh giá các tiêu chuẩn ở phần này. Mỗi tiêu chuẩn được đánh giá là “đạt” nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trong mỗi tiêu chuẩn cụ thể.

2. Các tiêu chuẩn cụ thể

TT	TIÊU CHUẨN	ĐÁNH GIÁ
1	Vai trò và chức năng, nhiệm vụ	
1.1	Là tuyến cuối cùng trong bậc thang điều trị; tiếp nhận và điều trị cho người bệnh (ít nhất 5 chuyên khoa sâu đối với bệnh viện đa khoa) trong phạm vi nhiều vùng hoặc toàn quốc. <i>Quyết định số 1670/QĐ-BYT ngày 25/03/2021 của Bộ Y tế về việc công nhận và giao nhiệm vụ là tuyến cuối về chuyên môn kỹ thuật khám, chữa bệnh khu vực Bắc Trung Bộ cho Bệnh viện HNĐK Nghệ An thuộc các chuyên khoa: Ngoại khoa, Nội khoa, Sản khoa.</i> <i>Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho ngành Y tế xây dựng chiến lược phát triển các chuyên ngành thuộc lĩnh vực khám chữa bệnh trên toàn tỉnh và khu vực; trực tiếp triển khai thực hiện cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân trong tỉnh, trong khu vực và nước bạn Lào;</i>	Đạt
1.2	Là cơ sở thực hành, đào tạo cán bộ sau đại học; cán bộ của bệnh viện trực tiếp tham gia đào tạo sau đại học và đào tạo cán bộ chuyên khoa sâu có trình độ sau đại học cho khu vực hoặc toàn quốc. <i>Bệnh viện được công bố đủ điều kiện là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu của cơ sở thực hành cho 6 trường Đại học đào tạo khối ngành sức khỏe theo công văn số 1980/BVHNĐKNA ngày 23/11/2018 và Công văn số 1897/BVHNĐKNA ngày 10/10/2022, gồm: Trường Đại học Y khoa Vinh, Trường Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Dược Hải Phòng, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên. Theo đó, Bệnh viện đủ điều kiện tiếp nhận đào tạo thực hành cho các trình độ sau đại học Bác sĩ chuyên khoa II, Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, Đại học y khoa, Cử nhân và Điều</i>	Đạt

TT	TIÊU CHUẨN	ĐÁNH GIÁ
	<i>đưỡng Tổng số học viên đào tạo thực hành trình độ sau đại học tại Bệnh viện là 156 học viên và hơn 3700 sinh viên Đại học, Cao đẳng cho tất cả các chuyên ngành giai đoạn 2021 -2023. Có giảng viên của bệnh viện trực tiếp tham gia đào tạo sau đại học và đào tạo cán bộ chuyên khoa sâu có trình độ sau đại học cho khu vực hoặc toàn quốc.</i>	
2	Quy mô và tổ chức khoa, phòng	
2.1	Tổ chức khoa, phòng trong bệnh viện theo chuyên khoa và chuyên khoa sâu đáp ứng chức năng, nhiệm vụ được giao. Các khoa lâm sàng tổ chức theo chuyên khoa và chuyên khoa sâu. Có các labo theo chuyên khoa sâu trong khu vực cận lâm sàng. - Tổng số các khoa, trung tâm có đến 12/2024: 52 khoa, phòng, trung tâm, trong đó 42 khoa, trung tâm gồm có: 7 khoa, trung tâm cận lâm sàng; 35 khoa, trung tâm khối lâm sàng. - Các khoa lâm sàng tổ chức theo chuyên khoa và chuyên khoa sâu. Trong 35 khoa, trung tâm lâm sàng có: Hệ nội: 23 khoa; Hệ ngoại: 12 khoa, trong đó có 03 khoa chuyên khoa lẻ; Sản khoa: 02 khoa. - Có các labo theo chuyên khoa sâu trong khu vực cận lâm sàng như: Sinh học phân tử, gen, di truyền, giải phẫu bệnh, hóa sinh, vi sinh, đông máu, tế bào gốc.	Đạt
2.2	Thực hiện chăm sóc người bệnh theo phân cấp chăm sóc cho 100% người bệnh điều trị nội trú tại các khoa, trung tâm. - Tỷ lệ chăm sóc người bệnh cấp I tại các khoa, trung tâm trung bình 502 người/ ngày, tập trung 32/35 khoa, trung tâm lâm sàng có giường bệnh. - Tại các khoa, trung tâm thuộc hệ hồi sức (Hồi sức tích cực, chống độc, trung tâm hồi sức, Hồi sức tích cực ngoại khoa, Hồi sức sơ sinh, Hồi tỉnh, nhà đẻ, cấp cứu Đột quy) người bệnh chăm sóc cấp 1 luôn đạt 100% người bệnh điều trị. - Số lượng nhân lực điều dưỡng lâm sàng chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc người bệnh (Điều dưỡng lâm sàng/Bác sĩ lâm sàng: $678/63 = 1,46$)	Đạt

TT	TIÊU CHUẨN	ĐÁNH GIÁ
	<i>Thực hiện chăm sóc toàn diện dựa trên tình trạng sức khỏe của người bệnh và mức độ nguy kịch, tiên lượng của Bác sĩ là chủ yếu, đáp ứng toàn diện nhu cầu chăm sóc bước đầu đang thực hiện ở các khoa thuộc hệ hồi sức</i>	
3	Trình độ cán bộ chuyên môn và quản lý	
3.1	100% Trưởng các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có trình độ Tiến sĩ hoặc Chuyên khoa II - Tổng số các khoa, trung tâm có đến 12/2024: 42 khoa, trung tâm gồm có: 7 khoa, trung tâm cận lâm sàng; 35 khoa trung tâm khối lâm sàng. - Tổng số Trưởng khoa, Giám đốc các khoa, trung tâm: 42 người. - Tỷ lệ Trưởng khoa, Giám đốc các khoa, trung tâm có trình độ Tiến sĩ, chuyên khoa II/tổng số: $37/42 = 88.1\%$ (Các khoa đang có trưởng khoa có trình độ Thạc sĩ/CKI: Khoa Di truyền sinh học và phân tử, Khoa Giải phẫu bệnh, Khoa Răng hàm mặt, Khoa Huyết học lâm sàng, Khoa Da liễu).	Chưa Đạt
3.2	70% bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng có trình độ sau đại học Tỉ lệ bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng có trình độ sau đại học/tổng số là: $279/435 = 64.1\%$.	Chưa đạt
4	Khả năng chuyên môn kỹ thuật	
4.1	Có các chuyên gia đầu ngành tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên môn y tế cấp Bộ Bệnh viện cử cán bộ chuyên gia đầu ngành tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên môn y tế cấp Bộ: Ts Phạm Hồng Phương – Phó Giám đốc Bệnh viện tham gia Ban Soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề thay thế Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ; Ts Đinh Văn Chiến – Phó giám đốc Trung tâm Đào tạo Bệnh viện tham gia Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Thông tư quy định về Hiến, lấy và điều phối ghép mô, bộ phận cơ thể người.	Đạt
4.2	Có các chuyên gia đầu ngành tham gia các Hội đồng chuyên môn y tế cấp Bộ xây dựng hướng dẫn chẩn đoán, điều trị; quy trình chuyên môn kỹ thuật; Hội đồng chuyên môn xem xét các tai biến y khoa; Hội đồng chuyên môn thẩm định danh mục kỹ thuật:	Đạt

TT	TIÊU CHUẨN	ĐÁNH GIÁ
	<i>Quyết định số 1103/QĐ-BYT ngày 02/05/2024 của Bộ Y tế về việc thành lập đoàn thẩm định cấp giấy phép hoạt động và phê duyệt danh mục kỹ thuật đối với Bệnh viện Y học cổ truyền Nguyễn Phúc (trong đó Bệnh viện HNĐK Nghệ An có 15 thành viên tham gia)</i>	
4.3	Bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện được các kỹ thuật hiện đại, chuyên sâu các chuyên khoa xét nghiệm huyết học, sinh hóa, vi sinh vật, miễn dịch, sinh học phân tử, phóng xạ, giải phẫu bệnh,...(các xét nghiệm chẩn đoán ung thư, xác định kháng nguyên, kháng thể, định danh vi khuẩn, virus, cấu trúc nhiễm sắc thể, cấu trúc gen, xét nghiệm sinh học phân tử, đông máu, ...) Xem xét các kỹ thuật thực hiện được phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tính chất chuyên khoa của bệnh viện. - Nhân lực: Đảm bảo thực hiện được các kỹ thuật hiện đại, chuyên sâu các chuyên khoa xét nghiệm huyết học, sinh hóa, vi sinh vật, miễn dịch, sinh học phân tử, phóng xạ, giải phẫu bệnh,... - Cơ sở vật chất: Đảm bảo các phòng Xét nghiệm đáp ứng theo tiêu chuẩn và yêu cầu chuyên môn. - Trang thiết bị: Bệnh viện có đầy đủ trang thiết bị thực hiện được các kỹ thuật hiện đại, chuyên sâu các chuyên khoa xét nghiệm huyết học, sinh hóa, vi sinh vật, miễn dịch, sinh học phân tử, giải phẫu bệnh,...	Đạt
4.5	Bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện được các thăm dò chức năng, chẩn đoán hình ảnh hiện đại, phức tạp chuyên sâu (CT scan, MRI, chụp mạch máu DSA, C-arm, PET CT,...). Xem xét danh mục trang thiết bị và các kỹ thuật thực hiện được phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tính chất chuyên khoa của bệnh viện. - Nhân lực: Bảo đảm nhân lực thực hiện được các thăm dò chức năng, chẩn đoán hình ảnh hiện đại, phức tạp chuyên sâu (CT scan, MRI, chụp mạch máu DSA, C-arm) - Cơ sở vật chất: Đáp ứng theo tiêu chuẩn và yêu cầu chuyên môn. - Trang thiết bị: Bệnh viện có đầy đủ trang thiết bị thực hiện được các thăm dò chức năng, chẩn đoán hình ảnh hiện đại, phức tạp chuyên sâu (CT scan, MRI, chụp mạch máu DSA, C-arm.....	Đạt
4.6	Bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện được các kỹ thuật y học hiện đại, phức tạp, chuyên khoa sâu như: ghép mô, tạng, bộ phận cơ thể người, sử dụng robot trong phẫu thuật, vi phẫu	Đạt

TT	TIÊU CHUẨN	ĐÁNH GIÁ
	thuật, chẩn đoán trước sinh, IVF, mổ tim hở, can thiệp mạch, thông tim, thăm dò phóng xạ, xạ trị, các phẫu thuật sọ não, thần kinh, mạch máu, phẫu thuật tạo hình sử dụng vật liệu nhân tạo thay thế,... - <i>Nhân lực:</i> Đáp ứng thực hiện được các kỹ thuật hiện đại, chuyên sâu và phức tạp. - <i>Cơ sở vật chất:</i> Đáp ứng theo tiêu chuẩn và yêu cầu chuyên môn. - <i>Trang thiết bị:</i> Bệnh viện có đầy đủ trang thiết bị thực hiện được các kỹ thuật y học hiện đại, phức tạp, chuyên khoa sâu như: ghép mô, tạng, bộ phận cơ thể người, sử dụng robot trong phẫu thuật, vi phẫu thuật, chẩn đoán trước sinh, IVF, mổ tim hở, can thiệp mạch, thông tim, các phẫu thuật sọ não, thần kinh, mạch máu, phẫu thuật tạo hình sử dụng vật liệu nhân tạo thay thế,...	
4.7	Bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng toàn diện theo mô hình bệnh tật, phục hồi chức năng sớm cho người bệnh. - <i>Nhân lực:</i> Đáp ứng thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng toàn diện theo mô hình bệnh tật, phục hồi chức năng sớm cho người bệnh. - <i>Cơ sở vật chất:</i> Đáp ứng theo yêu cầu chuyên môn Bệnh viện hạng Đặc biệt. - <i>Trang thiết bị:</i> Bệnh viện có đầy đủ trang thiết bị thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng toàn diện theo mô hình bệnh tật, phục hồi chức năng sớm cho người bệnh.	Đạt